

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
DANANG ARCHITECTURE UNIVERSITY

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT

Giáo viên hướng dẫn : ThS. Lâm Xuân Đào
Sinh viên thực hiện : Huỳnh Thị Thúy Loan
Khóa học : 2020 _ 2024
Lớp : 20KH1

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.	1
1.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác.	1
<i>1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>1</i>
<i>1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>4</i>
<i>1.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>5</i>
<i>1.1.4. Kế toán thu nhập khác</i>	<i>8</i>
1.2. Kế toán chi phí	11
<i>1.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán</i>	<i>11</i>
<i>1.2.2. Kế toán chi phí bán hàng</i>	<i>14</i>
<i>1.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>16</i>
<i>1.2.4. Kế toán chi phí tài chính</i>	<i>19</i>
<i>1.2.5. Kế toán chi phí khác</i>	<i>21</i>
<i>1.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>23</i>
1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	25
<i>1.3.1. Khái niệm</i>	<i>25</i>
<i>1.3.2. Đo lường xác định kết quả kinh doanh</i>	<i>25</i>
<i>1.3.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng</i>	<i>26</i>
<i>1.3.4. Tài khoản sử dụng</i>	<i>26</i>
<i>1.3.5. Phương pháp hạch toán</i>	<i>27</i>
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT	28
2.1. Khát quát về Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT	28
<i>2.1.1. Thông tin khát quát về Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT</i>	<i>28</i>
<i>2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT</i>	<i>28</i>
<i>2.1.3. Bộ máy quản lý của Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT</i>	<i>29</i>
<i>2.1.4. Bộ máy kế toán Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT</i>	<i>30</i>
<i>2.1.5. Hình thức ghi sổ kế toán của Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT</i>	<i>32</i>

2.1.6. Các chế độ, chính sách kế toán áp dụng tại đơn vị.....	33
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu và thu nhập khác tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT	34
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT	34
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT	49
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT	55
2.2.4. Kế toán thu nhập khác tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT.....	60
2.3. Kế toán chi phí tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT	61
2.3.1. Kế toán giá vốn tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT	61
2.3.2. Kế toán chi phí bán hàng	77
2.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	83
2.3.4. Kế toán chi phí tài chính tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT	93
2.3.5. Kế toán chi phí khác tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT	93
2.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT	93
2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT.....	104
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT	107
3.1. Đánh giá thực trạng kế toán tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT.....	107
3.1.1. Ưu điểm.....	107
3.1.2 Nhược điểm.....	108
3.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT	108

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

GTGT	Giá trị gia tăng
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
GVHB	Giá vốn hàng bán
XK	Xuất khẩu
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
BVMT	Bảo vệ môi trường
TSCĐ	Tài sản cố định
HTK	Hàng tồn kho
KC	Kết chuyển
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Hiện nay, hoạt động chủ yếu của các doanh nghiệp là kinh doanh để đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ, đạt mục tiêu sinh lời và tối đa hóa lợi nhuận. Điều này, phụ thuộc nhiều vào công tác kiểm soát các khoản chi phí, doanh thu và tính toán kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

Nằm bắt được điều này, trong những năm qua, các doanh nghiệp thường rất chú trọng đến việc hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Nhằm đảm bảo tính đúng đắn và đáng tin cậy của các thông tin kế toán để giúp ban giám đốc có cái nhìn tổng quát về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, đưa ra quyết định quản lý phù hợp để nâng cao hiệu quả kinh doanh, giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển hơn.

Do đó, qua thời gian học tập tại trường và thực tập tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT, em đã quyết định chọn đề tài " KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT" để làm bài khóa luận tốt nghiệp.

2. Kết cấu của khóa luận tốt nghiệp.

Kết cấu bài của khóa luận tốt nghiệp ngoài phần mở đầu bao gồm ba chương cụ thể:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT.
- Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác.

1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Khái niệm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là khoản doanh thu mà doanh nghiệp được từ hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất hoặc doanh nghiệp mua vào sau đó bán ra. Trong đó:

- Doanh thu bán hàng: là doanh thu bán sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: là doanh thu thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hay nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định theo phương thức cho thuê hoạt động

b. Đo lường doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Doanh thu** = Số lượng x Đơn giá bán trên hóa đơn
- **Doanh thu thuần** = Tổng doanh thu - Các khoản giảm trừ doanh thu

c. Điều kiện ghi doanh thu:

Doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu bán hàng hóa khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau (theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - VAS 14):

- Đối với doanh thu bán hàng: doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
 - + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
 - + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa.
 - + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - + Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ: doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

d. Phương thức bán hàng:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: là hình thức bán hàng mà người bán hàng tiếp xúc trực tiếp với khách hàng tiềm năng để giới thiệu, tư vấn và thuyết phục họ mua sản phẩm, dịch vụ. Bán hàng trực tiếp không thông qua bất kỳ trung gian bán lẻ nào như cửa hàng, siêu thị, đại lý,...
- Phương thức bán đại lý: là phương thức mà bên chủ hàng (bàn giao cho đại lý) xuất hàng cho bên đại lý, để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.
- Phương thức bán hàng trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số còn lại họ cần nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định thường thì tiền trả ở các kỳ sau đều bằng nhau, gồm một phần doanh thu gốc và một phần trả chậm.

e. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu xuất kho
 - Phiếu thu, giấy báo Có
 - Hợp đồng kinh tế
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 511
 - Sổ chi tiết 511

f. Tài khoản sử dụng:

- Theo quy định tại Điều 79 Thông tư 200/2014/TT-BCT tài khoản 511 - doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ phản ánh doanh thu thu được của doanh nghiệp trong

một kỳ kế toán bao gồm sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của công ty

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511

Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gắn thu phải nộp (GTGT, tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, bảo vệ môi trường) - Các khoản giảm trừ doanh thu kết chuyển cuối kỳ: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại - Kết chuyển sang 911 - xác định kết quả kinh doanh trong kỳ	✕	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ

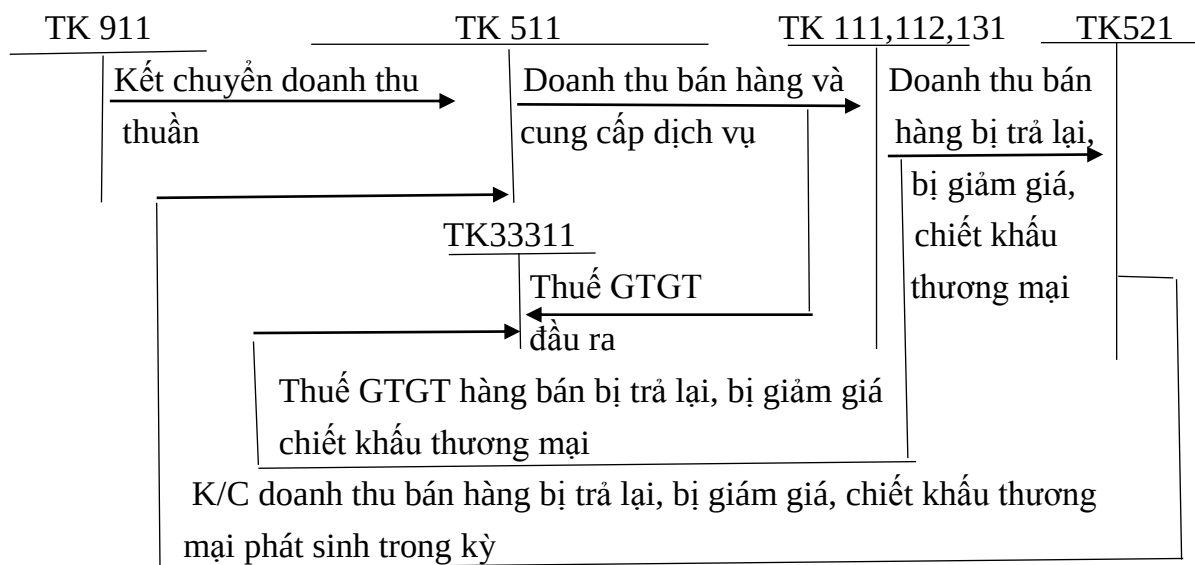
Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 511 - doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo thông tư 200/2014/TT-BTC có 6 tài khoản cấp 2.

- + Tài khoản 5111: doanh thu bán hàng hóa.
- + Tài khoản 5112: doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113: doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114: doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + Tài khoản 5117: doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- + Tài khoản 5118: doanh thu khác

g. Phương pháp hạch toán

- Sơ đồ hạch toán



1.1. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Khái niệm: là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng.

- Khái niệm chiết khấu thương mại: là khoản giảm giá cho khách hàng mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn.

- Khái niệm hàng bán bị trả lại: là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách hoặc các nguyên nhân khác.

- Khái niệm giảm giá hàng bán: khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Hợp đồng kinh tế
 - Phiếu xuất kho
 - Phiếu nhập kho hàng bị trả lại
- Sổ sách sử dụng
 - + Nhật ký chung
 - + Sổ cái 521
 - + Các sổ chi tiết 5211, 5212, 5213

c. Tài khoản sử dụng: nếu áp dụng chế độ kế toán, các khoản giảm trừ doanh thu được theo dõi và quản lý hạch toán qua Tài khoản 521 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.

* Kết cấu và nội dung phản ánh TK 521

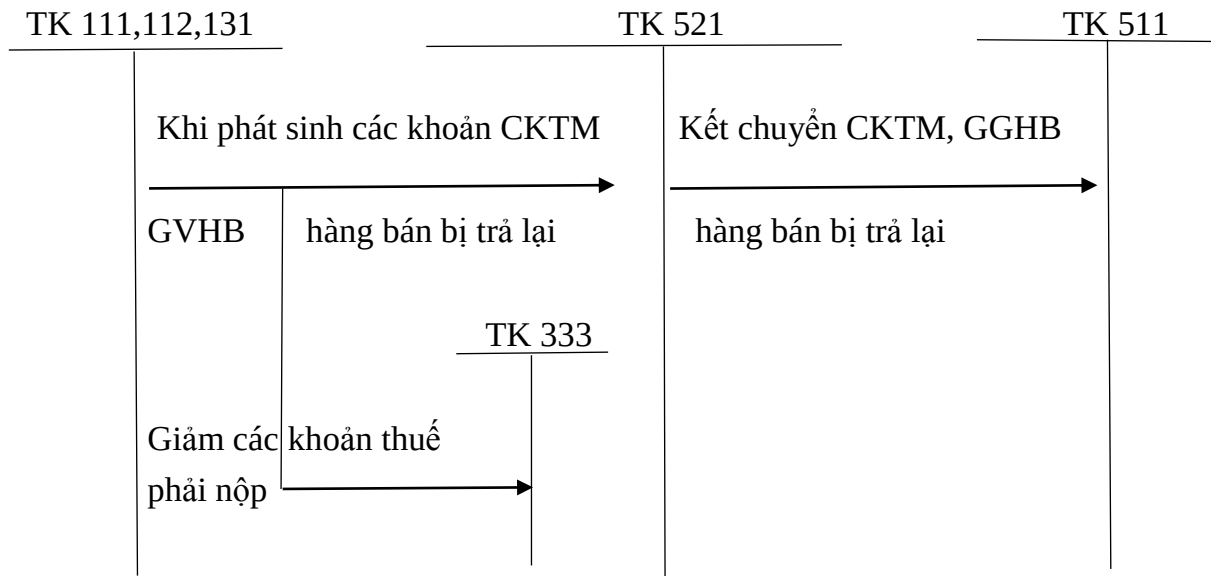
Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		
- Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người cho.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số phát sinh nợ trong kỳ sang tài khoản 511
- Giá trị hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.		doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

- Các khoản giảm trừ doanh thu có 3 tài khoản cấp 2
 - Tài khoản 5211: chiết khấu thương mại
 - Tài khoản 5212: hàng bán bị trả lại
 - Tài khoản 5213: giảm giá hàng bán

d. Phương pháp hạch toán

* Sơ đồ hạch toán



1.2. Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Khái niệm:

Là khoản thu nhập mà doanh nghiệp nhận được từ các hoạt động tài chính, bao gồm: tiền lãi từ cho vay, đầu tư, mua bán chứng khoán,... cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp mà doanh nghiệp nắm giữ cổ phần, phần vốn góp.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu thu
 - Giấy báo có
 - Hợp đồng kinh tế
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 515
 - Sổ chi tiết 515

c. Tài khoản sử dụng:

Là tài khoản 515 dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp

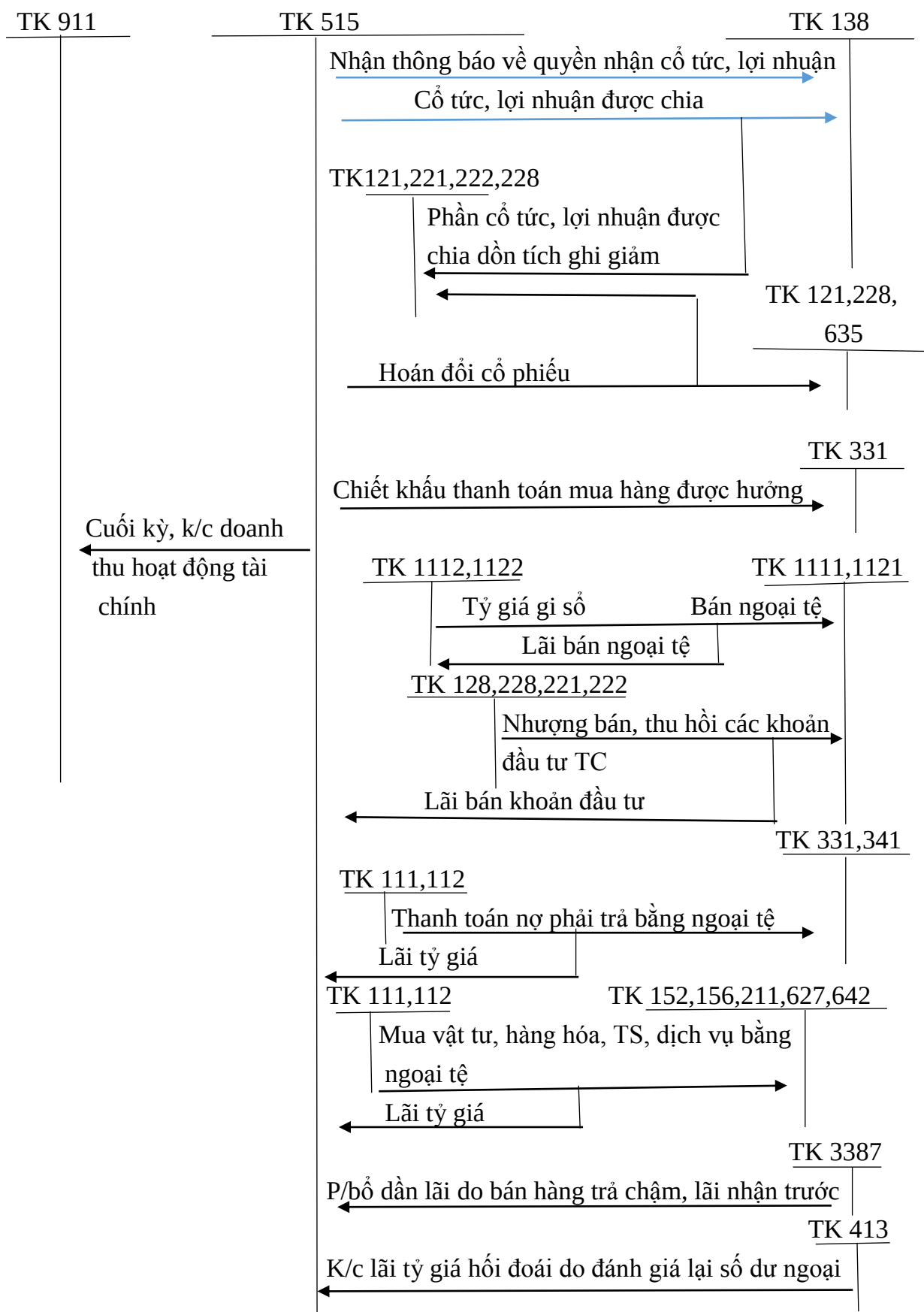
- Kết cấu nội dung tài khoản 515

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - xác định kết quả kinh doanh.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán

- Sơ đồ hạch toán



1.3. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.4. Kế toán thu nhập khác

a. Khái niệm

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu thu
 - Hợp đồng kinh tế
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 711
 - Sổ chi tiết 711

c. Tài khoản sử dụng

- Kết cấu nội dung

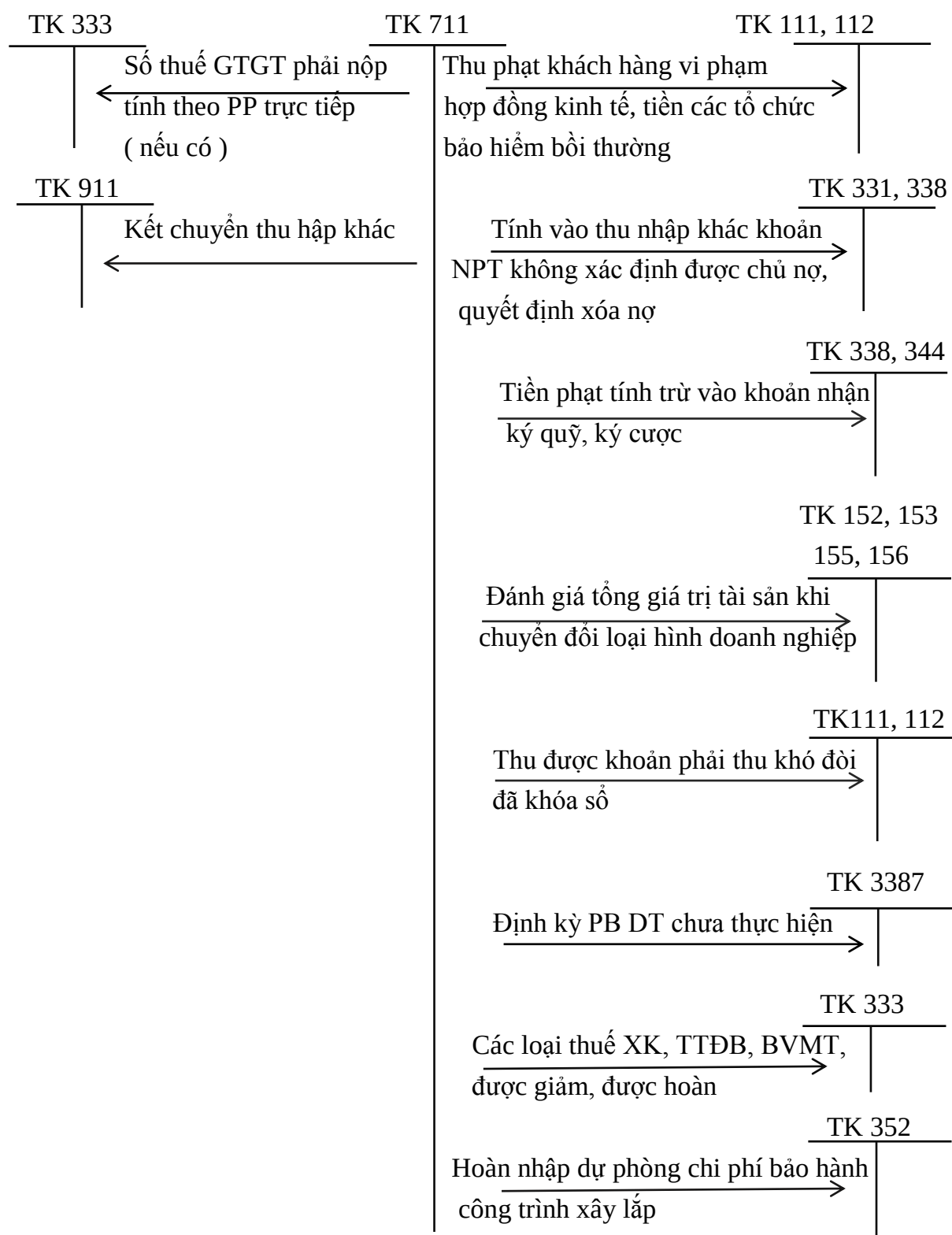
Theo thông tư 200/2024/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh thu nhập khác kế toán sử dụng tài khoản 711 - Thu nhập khác.

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - xác định kết quả kinh doanh.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.	

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán

- Sơ đồ hạch toán



1.4. Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác

1.2. Kế toán chi phí

1.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Khái niệm: là tài khoản dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

b. Các phương pháp tính giá xuất kho

- Xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

- Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ (tháng)

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá xuất kho của một loại sản phẩm} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị HTK nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng HTK nhập trong kỳ}}$$

- Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm, tức thời)

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ I} = \frac{\text{Trị giá vật tư HH tồn kho} + \text{Trị giá vật tư HH nhập trước lần thứ I}}{\text{SL vật tư HH tồn đầu kỳ} + \text{SL vật tư HH nhập trước lần thứ I}}$$

- Xuất kho tính theo phương pháp đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

- Xuất kho tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dauwj trên giá định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ.

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá trị của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

c. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu xuất kho
 - Phiếu nhập kho
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 632
 - Sổ chi tiết 632

d. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2024/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh thu nhập khác kế toán sử dụng tài khoản 632 - kế toán giá vốn hàng bán.

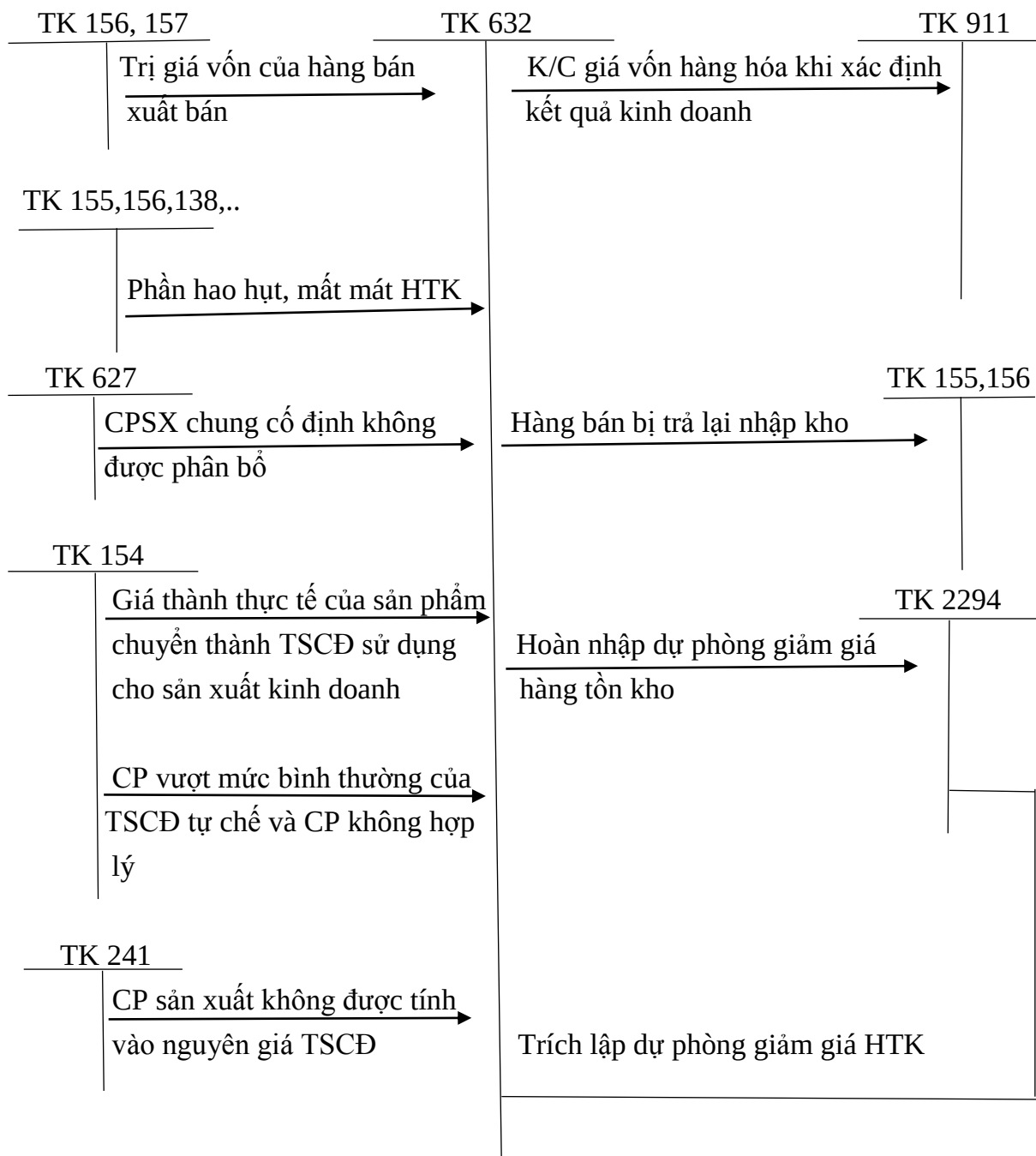
- Kết cấu nội dung

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá HTK		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 - xác định kết quả kinh doanh. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước. - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ. - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế BVMT đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

e. Phương pháp hạch toán

- Sơ đồ hạch toán



1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

a. Khái niệm: Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hàng sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu thu
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ liên quan
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 641
 - Sổ chi tiết 641

c. Tài khoản sử dụng

Áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT - BTC tài khoản 641 phản ánh chi phí bán hàng

- Kết cấu tài khoản

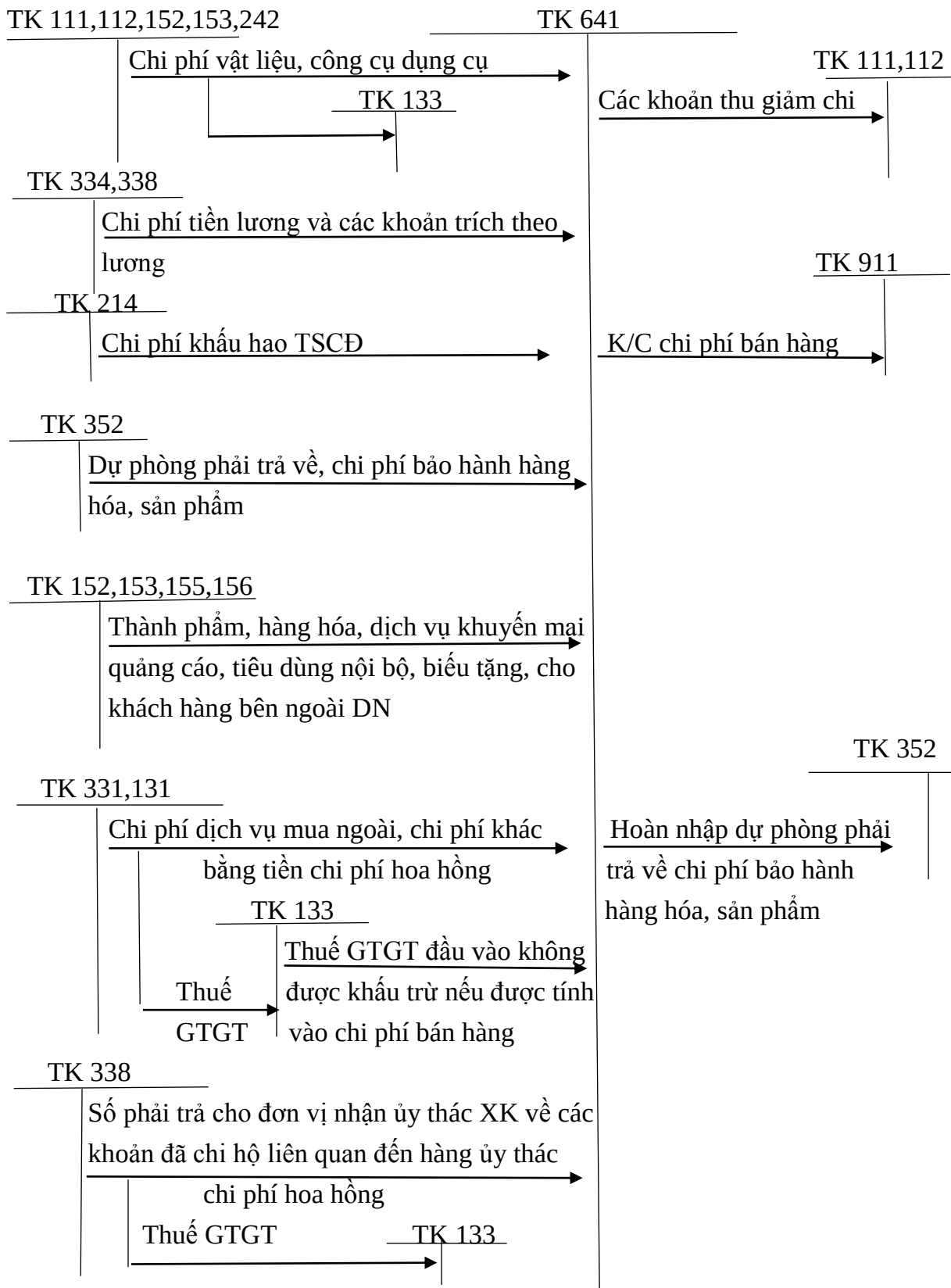
Nợ	TK 641	Có
Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.		- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ. - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911, để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2
 - Tài khoản 6411: chi phí nhân viên
 - Tài khoản 6412: chi phí vật liệu bao bì
 - Tài khoản 6413: chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - Tài khoản 6414: chi phí khấu hao tài sản cố định
 - Tài khoản 6415: chi phí bảo hành
 - Tài khoản 6417: chi phí dịch vụ mua ngoài
 - Tài khoản 6418: chi phí bằng tiền khác

d. Phương pháp hạch toán

- Sơ đồ hạch toán



1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí bán hàng

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Khái niệm

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu chi
 - Bảng tổng hợp lương cán bộ nhân viên
 - Bảng trích khấu hao tài sản cố định
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 642
 - Sổ chi tiết 642

c. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2024/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết cấu nội dung tài khoản 642 như sau:

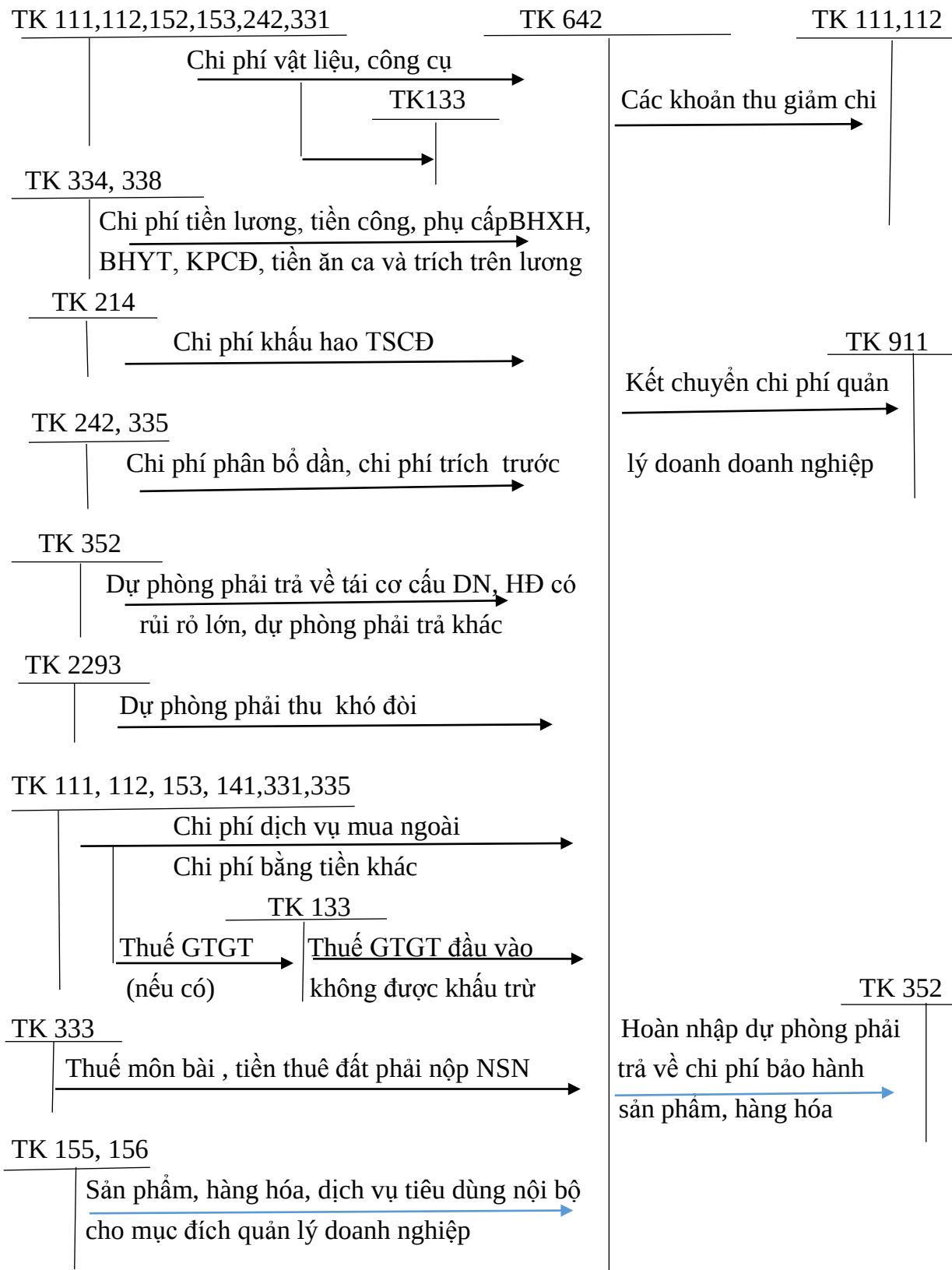
Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
		- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 - xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 642 - chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2
 - Tài khoản 6421 - chi phí nhân viên quản lý
 - Tài khoản 6422 - chi phí vật liệu quản lý
 - Tài khoản 6423 - chi phí đồ dùng văn phòng
 - Tài khoản 6424 - chi phí khấu hao TSCĐ
 - Tài khoản 6425 - thuế , phí và lệ phí
 - Tài khoản 6426 - chi phí dự phòng
 - Tài khoản 6427 - chi phí dịch vụ mua ngoài
 - Tài khoản 6428 - chi phí bằng tiền khác

d. Phương pháp hạch toán

- Sơ đồ hạch toán



1.7. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4. Kế toán chi phí tài chính

a. Khái niệm

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu chi
 - Phiếu thu
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 635
 - Sổ chi tiết 635

c. Tài khoản sử dụng

- Kết cấu nội dụng

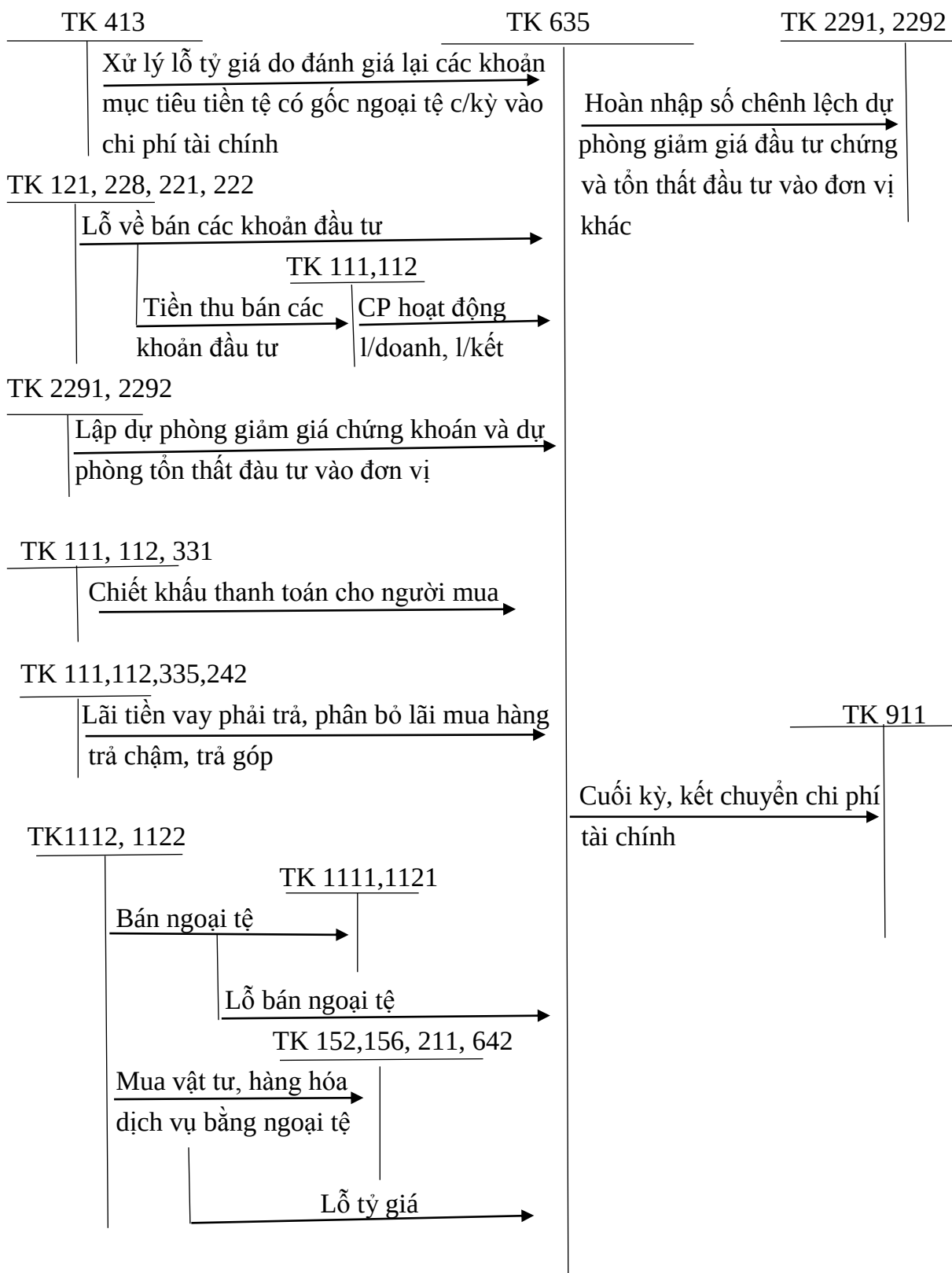
Tài khoản 635 được quy định tại khoản 2 Điều 90 Thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ kế toán, k/c toán bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán

- Sơ đồ hạch toán



1.8. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí tài chính

1.2.5. Kế toán chi phí khác

a. Khái niệm

- Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.
- Chi phí khác bao gồm:
 - + Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (gồm các chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
 - + Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
 - + Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
 - + Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
 - + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
 - + Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hàng chính.
 - + Các khoản chi phí khác.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu chi
 - Phiếu thu
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 811
 - Sổ chi tiết 811

c. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2024/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 811 - kết toán chi phí khác

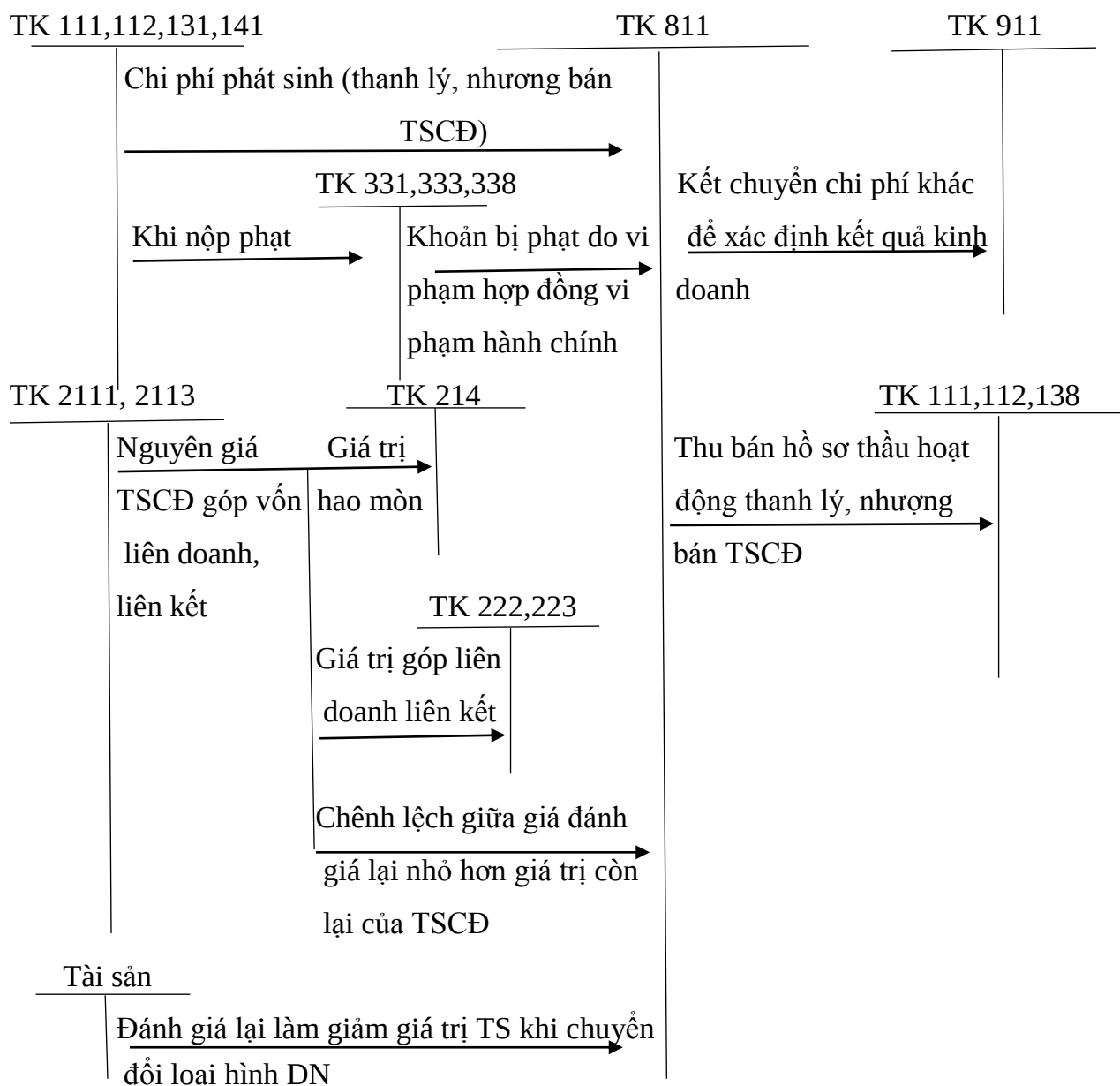
- Kết cấu và nội dung

Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ	Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 - xác định kết quả kinh doanh	

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán

- Sơ đồ hạch toán



1.9. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác

1.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Khái niệm

- Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:
 - + Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.
 - + Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc:
 - + Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm.
 - + Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Tờ khai quyết toán thuế TNDN
 - Hóa đơn GTGT
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 821
 - Sổ chi tiết 8211, 8212

c. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2024/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 821 - kết toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết cấu nội dung

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không quan trọng của các năm trước được ghi nhận là tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thực tế trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp được khấu trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được công nhận trong năm.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi nhận là giảm do phát hiện các lỗi không quan trọng của các năm trước, được ghi nhận là giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại.

- Chuyển chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn số tiền ghi nhận là giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm sang 911 - xác định kết quả kinh doanh.

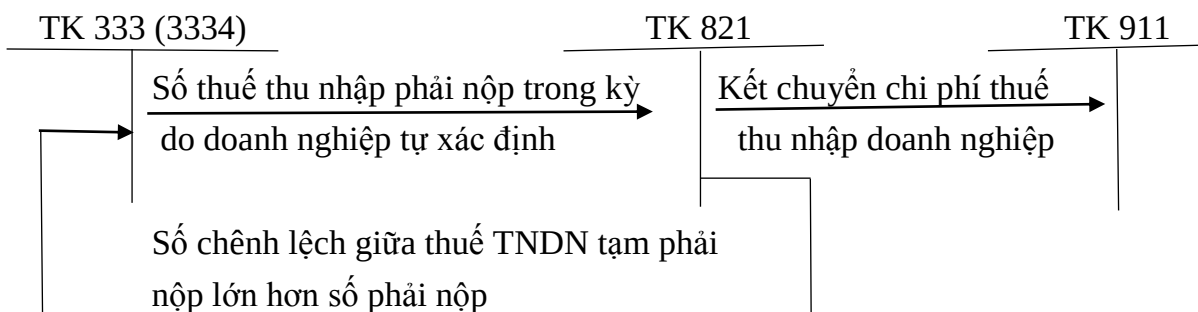


Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2
 - Tài khoản 8211: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
 - Tài khoản 8212: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

d. Phương pháp hạch toán

- Sơ đồ hạch toán



1.10. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3.1. Khái niệm

- Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

- Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

1.3.2. Đo lường xác định kết quả kinh doanh

- **Lợi nhuận** = Tổng lợi nhuận kế toán - Chi phí thuế TNDN

 sau thuế trước thuế

- **Tổng lợi nhuận** Lợi nhuận thuần từ

kế toán trước thuế = hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

thuế

- **Lợi nhuận thuần từ kết quả hoạt động kinh doanh** = Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp - Chi phí tài chính - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- **Lợi nhuận khác** = Thu nhập khác - Chi phí khác

1.3.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu chi
 - Phiếu thu
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 911

1.3.4. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại Điều 96 Thông tư 200/2014/TT-BTC, tài khoản 911 (xác định kết quả kinh doanh)

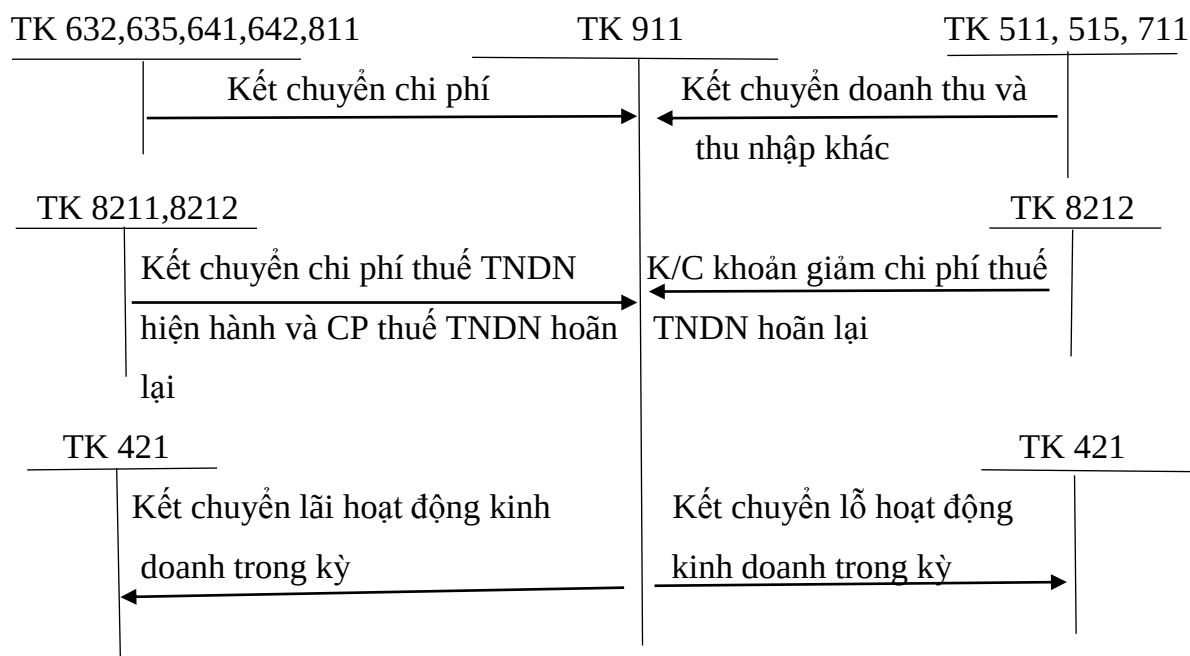
- Kết cấu nội dung

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.		- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.		thu nhập khác và khoản chi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.		- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.3.5. Phương pháp hạch toán

- Sơ đồ hạch toán



1.11. Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT

2.1. Khát quát về Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

2.1.1. Thông tin khát quát về Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT
Tên giao dịch quốc tế	: TMT MACHINERY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: TMT MACHINERY JSC
Mã số thuế	: 0401771592
Ngày thành lập	: được thành lập ngày 15 tháng 06 năm 2016
Trụ sở chính	: Đường số 8 - Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Ngành nghề kinh doanh	: Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

- Năm 2015: Với quyết tâm xây dựng một thương hiệu lớn lĩnh vực sản xuất chế tạo thiết bị chế tạo công nghiệp, nhà sáng lập công ty đã đầu tư phòng thí nghiệm trên quy mô chỉ 60m², bắt đầu nghiên cứu và chế tạo thử nghiệm thành công những sản phẩm đầu tiên. Ngày 26/06/2016, TMT chính thức được thành lập dưới tên Công ty Cổ phần chế tạo máy TMT để bắt đầu đầu sản xuất và phân phối máy bẻ đai thép tự động đến người tiêu dùng trong nước.

- Giai đoạn 2016-2017: Với những thiết kế riêng độc đáo, chú trọng đặc biệt đến chất lượng, độ bền của sản phẩm, TMT đã dần dần có được dự ủng hộ và tin tưởng của các khách hàng trong nước và ngoài nước. Sản phẩm của TMT đã được phân phối đến khắp các tỉnh thành trên cả nước và xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Malaysia, Thái Lan, Cambodia và các quốc gia khác.

- Giai đoạn 2018-2019: Mở rộng sản xuất, đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ để tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm. Tất cả chi tiết cơ khí trong các sản phẩm của TMT đều được gia công bằng hệ thống máy gia công cơ khí chính xác (hệ thống máy CNC). Hoàn thiện hệ thống, hệ thống lắp ráp theo tiêu chuẩn công nghệ hiện đại bắt đầu từ khâu chọn và kiểm soát vật tư đầu vào đến việc test kiểm tra nghiêm ngặt trước khi sản phẩm xuất xưởng.

- Từ cuối 2019 cho đến nay:

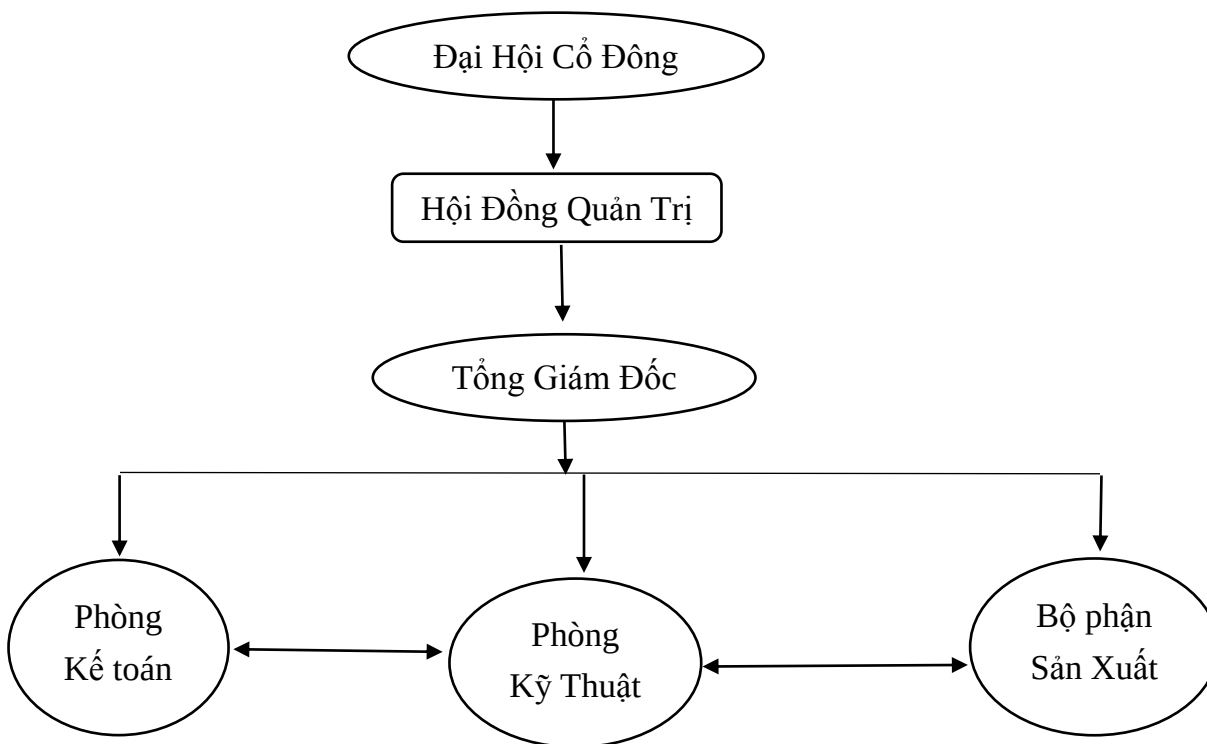
+ Chú trọng xây dựng hoàn thiện hệ thống hỗ trợ dịch vụ cho khách hàng, bao gồm việc đào tạo chuyên sâu đội ngũ kỹ thuật chuyên trách, xây dựng và phát triển hệ thống

kho linh kiện - vật tư kỹ thuật cho tất cả các đời sản phẩm của TMT, nhằm đáp ứng nhu cầu sửa chữa, thay thế nhanh nhất cho khách hàng. Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu khách hàng nhằm nắm rõ lý lịch và quá trình hoạt động, hòng học máy móc của từng khách hàng, hỗ trợ trợ xua lý nhanh nhất.

+ Phát triển sản phẩm mới, nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu khách hàng, nất đầu đẩy mạnh sự phát triển của công ty về quy mô, sau khi đã chú trọng đầu tư cho chất lượng sản phẩm và dịch vụ hậu mãi.

2.1.3. Bộ máy quản lý của Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

a. Sơ đồ bộ máy quản lý



2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty

Ghi chú:

—————→ : Quan hệ chỉ đạo

—————↔ : Quan hệ đối chiếu

b. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban

- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết (bao gồm cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi biểu quyết), là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật;

trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

- Hội đồng quản trị:

+ Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

+ Hội đồng quản trị có không ít hơn ba thành viên, không quá mười một thành viên, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

- Tổng giám đốc: là người quản lý và giám sát tất cả các hoạt động kinh doanh, con người cũng như các hoạt động hợp tác của doanh nghiệp. Ở vai trò cấp cao trong doanh nghiệp, một trong các nhiệm vụ của tổng giám đốc là xây dựng và thực thi các chiến lược nhằm thúc đẩy sự phát triển và gia tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.

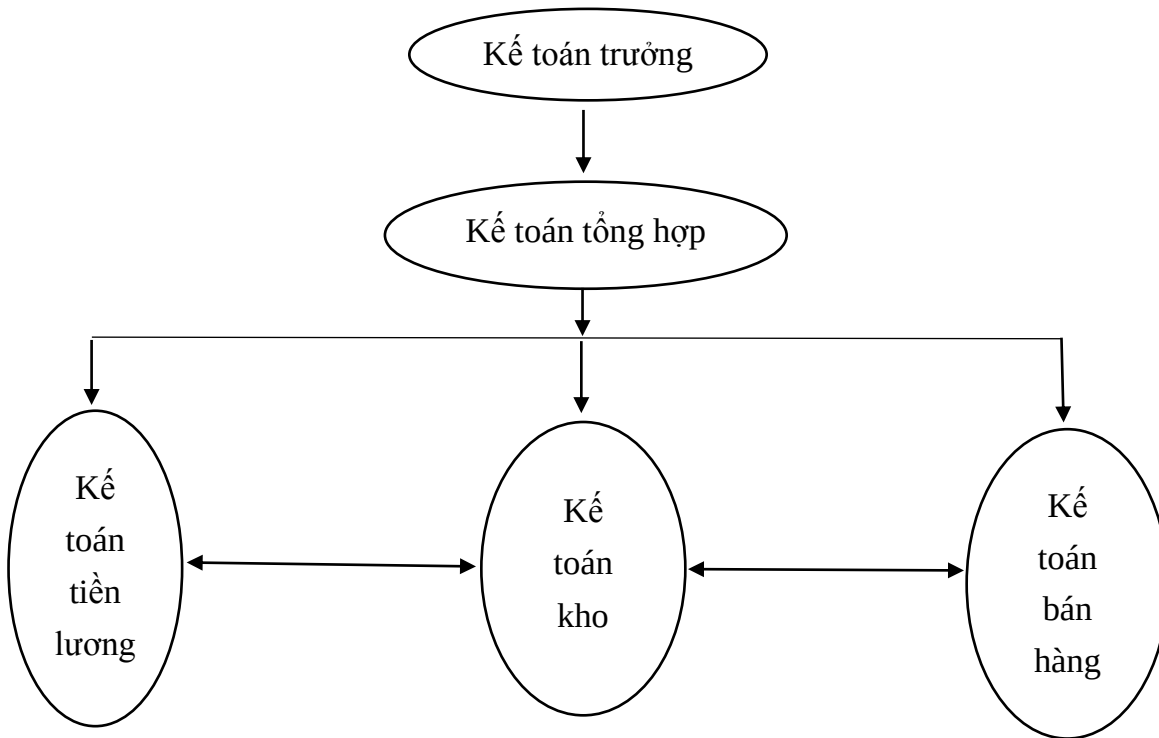
- Phòng kế toán: theo dõi tất cả các khoản thanh toán theo lịch trình trong tổ chức. Chẳng hạn như hàng tồn kho, bảng lương và các chi phí liên quan đến kinh doanh khác. Họ xử lý các hóa đơn từ các nhà cung cấp, ghi lại chúng và sau đó thanh toán. Họ có trách nhiệm theo dõi và hạch toán các khoản thanh toán bằng tiền của khách hàng đối với hàng hóa bán ra và cung cấp dịch vụ. Cuối tháng lên báo cáo tài chính.

- Phòng kỹ thuật: có nhiệm vụ quản trị hệ thống kỹ thuật và quản lý các hoạt động liên quan đến kỹ thuật và công nghệ của doanh nghiệp. Mục tiêu của phòng kỹ thuật là đảm bảo những nghiệp vụ được thực hiện trên nền tảng kỹ thuật của doanh nghiệp hoạt động chính xác, hiệu quả và ổn định, nhanh chóng phát hiện và sửa chữa những sự cố, trục trặc của hệ thống, không để hoạt động sản xuất kinh doanh xảy ra tình trạng gián đoạn, hạn chế tối đa thiệt hại cho doanh nghiệp.

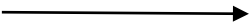
- Bộ phận sản xuất: chịu trách nhiệm cho việc chuyển đổi nguyên liệu thô và các đầu vào khác thành hàng hóa hoặc dịch vụ thành phẩm. Thực hiện quá trình sản xuất, bảo quản, vận chuyển, giao nhận hàng phục vụ cho nhu cầu kinh doanh. Chịu trách nhiệm thiết kế hàng hóa, sản phẩm cho doanh nghiệp.

2.1.4. Bộ máy kế toán Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

a. Sơ đồ bộ máy kế toán



2.2. Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty

Ghi chú:  : Quan hệ chỉ đạo
 : Quan hệ đối chiếu

b. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận kế toán

- Kế toán trưởng: là người chịu trách nhiệm trước ban giám đốc về tình hình hoạch toán kế toán và tình hình tài chính của công ty. Và là người có nhiệm vụ tổ chức thực hiện bộ máy kế toán, kiểm soát hoạt động tài chính toàn công ty, chỉ đạo và hướng dẫn các kế toán viên hoàn thành tốt các phần hành kế toán được giao.

- Kế toán tổng hợp: có vai trò quan trọng trong một doanh nghiệp công ty, nhiệm vụ của kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Đầu tiên chính là việc kiểm tra các số liệu của các đơn vị trong nội bộ của công ty qua các định khoản nghiệp vụ và sự cân đối giữa số liệu kế toán tổng hợp chi tiết, bên cạnh đó kiểm tra số dư cuối kỳ có để so sánh xem khớp với các báo cáo chi tiết hay không.

+ Hạch toán khấu hao, thu nhập, chi phí, tài sản cố định, công nợ và quản lý công nợ của toàn công ty, bên cạnh xử lý công nợ khó thu hồi của công ty

+ Lập báo cáo tài chính theo quy định của công ty và làm báo cáo giải trình chi tiết về việc chi tiêu của công ty.

- Kế toán tiền lương: là bộ phận quan trọng trong doanh nghiệp, mang tính quyết định đến quyền lợi của người lao động đang làm việc tại công ty. Nhiệm vụ của kế toán tiền lương là ghi chép, tính toán và quản lý quỹ lương của nhân viên công ty, đồng thời phản ánh các điều khoản chưa hợp lý nếu có.

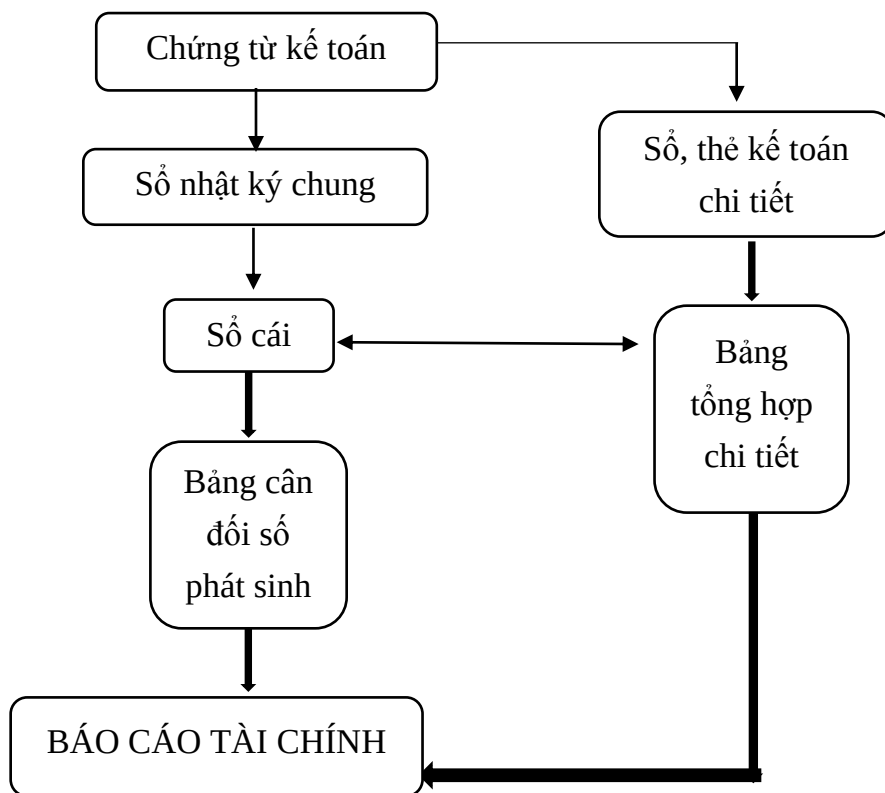
- Kế toán kho: thực hiện việc kiểm soát tình hình thu nhập, xuất tồn hàng hóa trong kho đảm bảo đầy đủ về số lượng, chất lượng và giá trị hàng hóa trong kho.

- Kế toán bán hàng: trực tiếp nhập, xuất hàng hóa, điều chuyển hàng hóa từ kho khi có yêu cầu. Kiểm tra và nhập liệu các chứng từ nhập xuất hàng hóa vào phần mềm MISA. Theo dõi nhập xuất tồn hàng hóa, phối hợp với các bộ phận liên quan tiến hành kiểm kê định kỳ, đối chiếu số liệu hàng tồn kho hàng tháng. Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời, chính xác vào phần mềm kế toán.

2.1.5. Hình thức ghi sổ kế toán của Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Hình thức ghi sổ của công ty là: Sổ nhật ký chung

a. Sơ đồ hình thức ghi sổ



2.3. Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán

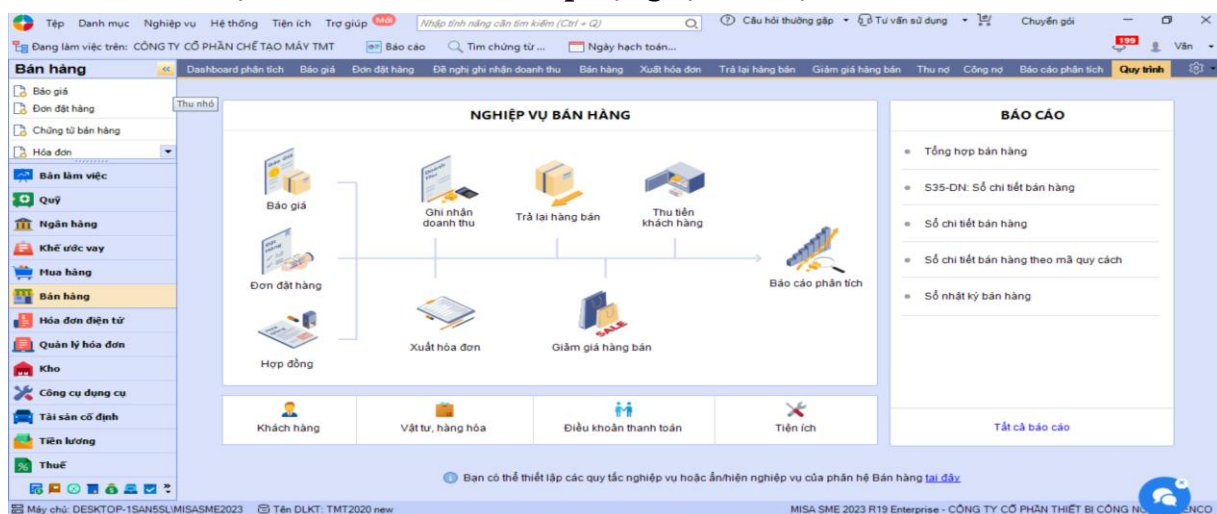
Ghi chú:

- : ghi hàng ngày
- : đối chiếu, kiểm tra
- : cuối tháng, cuối quý, cuối năm

b. Trình tự ghi sổ

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ các theo tài khoản kế toán phù hợp.
- Cuối tháng kế toán tiến hành cộng sổ, thẻ kế toán chi tiết để ghi vào sổ tổng hợp chi tiết
- Cuối tháng, quý, năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính

2.1.6. Các chế độ, chính sách kế toán áp dụng tại đơn vị



Đây là giao diện của phần mềm Misa mà công ty đã sử dụng trong khi hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty là chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
- Hình thức kế toán: Sổ nhật ký chung
- Phần mềm kế toán mà Công ty sử dụng: Phần mềm Misa
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng (VNĐ)
- Phương pháp thuế GTGT (VAT): theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân cuối kỳ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu và thu nhập khác tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

a. Các mặt hàng chủ yếu của công ty

- Các hàng hóa: bộ nguồn, mô tơ, biến tần,...
- Các thành phẩm: máy bơm đai uốn thép tự động

b. Các phương thức bán hàng và thanh toán

- Phương thức bán hàng
 - Bán hàng trực tiếp: là phương pháp bên bán giao hàng cho bên mua trực tiếp tại kho hay trực tiếp tại xưởng phân xưởng không qua kho của doanh nghiệp. Khi giao cho người mua, doanh nghiệp đã nhận được tiền hoặc có quyền thu tiền của người mua bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Vì vậy giá trị đơn hàng đã hoàn thành.
 - Bán hàng qua điện thoại: với hình thức bán hàng này khách hàng chủ yếu là khách hàng cũ của công ty chỉ cần gọi điện thoại đến công ty để đặt hàng khi có nhu cầu. Đối tượng bán hàng qua điện thoại rất đa dạng, việc đặt hàng qua điện thoại rất đơn giản nhanh chóng thuận lợi cho khách hàng. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp công ty không thực hiện giao hàng cho khách. Như vậy, đơn hàng mà công ty thực hiện giao hàng hàng được thì coi như công ty đã thực hiện giao hàng thành công cho khách hàng.

- Phương thức thanh toán
 - Thanh toán bằng tiền mặt: thường là những khách hàng mua nhỏ lẻ trực tiếp tại kho, xưởng
 - Thanh toán bằng chuyển khoản: thường là những doanh nghiệp mua với số lượng lớn và đặt hàng qua điện thoại

c. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Phiếu xuất kho
 - Phiếu thu
- Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 511
 - Sổ chi tiết 5111, 5112

d. Tài khoản sử dụng:

- Sổ cái TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + Sổ chi tiết TK 5111: doanh thu bán hàng hóa
 - TK 51111: doanh thu bán hàng hóa
- + Sổ chi tiết TK 5112: doanh thu bán các thành phẩm
 - TK 51121: doanh thu bán các thành phẩm nội địa
 - TK 51122: doanh thu bán các thành phẩm xuất khẩu

e. Đối với doanh thu bán hàng hóa

- Trình tự quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ

Tùy vào từng khách hàng có yêu cầu báo giá, thường thì những doanh nghiệp họ sẽ yêu cầu báo giá và đồng thời như khách hàng lẻ mua với số lượng nhiều thì họ cũng sẽ yêu cầu báo giá. Khi khách có yêu cầu báo giá thì nhân viên bán hàng sẽ lập báo giá và gửi qua cho khách xem. Khách xem và đồng ý cái báo giá của công ty thì khách tiến hành lập đơn đặt hàng và gửi qua lại cho nhân viên bán hàng của công ty.

Công ty Cổ Phần chế tạo máy TMT

Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO GIÁ

Tên khách hàng: Công Ty TNHH TMDV Sơn Định

Địa chỉ: 722 Bình Giả - P10 - TP Vũng Tàu

Mã số thuế: 3502285731

Diễn giải:

Điện thoại:

Fax:

Ngày: 28/11/2023

Số: BG00002

Hiệu lực đến:

Loại tiền: VND

Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
BIENTANFR100	Biến Tần FR100	Cái	1,000	2.800.000,00	2.800.000
E1024	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	Cái	1,000	1.500.000,00	1.500.000
MOTOP128	Mô tơ PL 28	Cái	2,000	2.900.000,00	5.800.000
VB6305.TH	Vòng bi 6305 - thường	Cái	2,000	47.000,00	94.000
VB6306.TH	Vòng bi 6306 thường	Cái	2,000	105.000,00	210.000
VB1C_CSK205	Vòng Bi 1 chiều CSK205	Cái	2,000	242.000,00	484.000
DAYCUROA776	Dây Curoa (776)	Dây	1,000	235.000,00	235.000
Cộng tiền hàng:					11.123.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					1.112.300
Tổng tiền thanh toán:					12.235.300
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm đồng chẵn.					

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sau đó nhân viên bán hàng đưa cho kế toán kho kiểm tra lại số lượng trên đơn đặt hàng khách hàng gửi qua có đủ với báo giá công ty và soạn hàng gửi cho khách. Khi xong việc gửi hàng cho khách thì kế toán lập hóa đơn GTGT trên phần mềm Misa meInvoice gửi qua cho khách.

Vào link đăng nhập tài khoản công ty

Tại tab hóa đơn => chọn loại chứng từ muốn lập => chọn thêm mới

Dựa vào thông tin khách hàng để tiến hành nhập đầy đủ thông tin của khách hàng

Bấm "lưu" gửi hóa đơn nháp qua cho khách qua zalo. Sau đó khách đồng ý thì bấm "lưu phát hành" và gửi hóa đơn đó qua zalo hoặc gmail cho khách.

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Bản thể hiện của hóa đơn điện tử) Ngày 28 tháng 11 năm 2023 Mã CQT: 001A04080BD4704A01A8CF8B375DC048EE	Ký hiệu: 1C23TMT Số: 00000047																																																																																										
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT Mã số thuế: 0401771592 Địa chỉ: Đường số 8, Khu Công nghiệp Hoà Cẩm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng Điện thoại: 0236 3739 399 Số tài khoản: 040047411655 Ngân hàng TMCP Sacombank - Chi nhánh Đà Nẵng																																																																																												
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SƠN ĐỊNH Mã số thuế: 3502285731 Địa chỉ: Số 720-722 Bình Giả, Phường 10, Thành Phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:																																																																																												
<table><thead><tr><th>STT</th><th>Tên hàng hóa, dịch vụ</th><th>Đơn vị tính</th><th>Số lượng</th><th>Đơn giá</th><th>Thành tiền</th></tr><tr><th>1</th><th>2</th><th>3</th><th>4</th><th>5</th><th>6=4x5</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Biển tần FR100</td><td>Cái</td><td>1,00</td><td>2.800.000</td><td>2.800.000</td></tr><tr><td>2</td><td>Bộ đếm góc (Encoder 1024)</td><td>Cái</td><td>1,00</td><td>1.500.000</td><td>1.500.000</td></tr><tr><td>3</td><td>Mô tơ</td><td>Cái</td><td>2,00</td><td>2.900.000</td><td>5.800.000</td></tr><tr><td>4</td><td>Vòng bi 6305.TH</td><td>cái</td><td>2,00</td><td>47.000</td><td>94.000</td></tr><tr><td>5</td><td>Vòng bi 6306.TH</td><td></td><td>2,00</td><td>105.000</td><td>210.000</td></tr><tr><td>6</td><td>Vòng bi 1 chiều</td><td>cái</td><td>2,00</td><td>242.000</td><td>484.000</td></tr><tr><td>7</td><td>Dây curoa</td><td>Cái</td><td>1,00</td><td>235.000</td><td>235.000</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td colspan="5">Cộng tiền hàng:</td><td>11.123.000</td></tr><tr><td colspan="5">Thuế suất GTGT: 10%</td><td>Tiền thuế GTGT: 1.112.300</td></tr><tr><td colspan="5"></td><td>Tổng tiền thanh toán: 12.235.300</td></tr><tr><td colspan="6">Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm đồng chẵn.</td></tr></tbody></table>	STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	2	3	4	5	6=4x5	1	Biển tần FR100	Cái	1,00	2.800.000	2.800.000	2	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	Cái	1,00	1.500.000	1.500.000	3	Mô tơ	Cái	2,00	2.900.000	5.800.000	4	Vòng bi 6305.TH	cái	2,00	47.000	94.000	5	Vòng bi 6306.TH		2,00	105.000	210.000	6	Vòng bi 1 chiều	cái	2,00	242.000	484.000	7	Dây curoa	Cái	1,00	235.000	235.000													Cộng tiền hàng:					11.123.000	Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 1.112.300						Tổng tiền thanh toán: 12.235.300	Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm đồng chẵn.						Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																																																																							
1	2	3	4	5	6=4x5																																																																																							
1	Biển tần FR100	Cái	1,00	2.800.000	2.800.000																																																																																							
2	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	Cái	1,00	1.500.000	1.500.000																																																																																							
3	Mô tơ	Cái	2,00	2.900.000	5.800.000																																																																																							
4	Vòng bi 6305.TH	cái	2,00	47.000	94.000																																																																																							
5	Vòng bi 6306.TH		2,00	105.000	210.000																																																																																							
6	Vòng bi 1 chiều	cái	2,00	242.000	484.000																																																																																							
7	Dây curoa	Cái	1,00	235.000	235.000																																																																																							
Cộng tiền hàng:					11.123.000																																																																																							
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 1.112.300																																																																																							
					Tổng tiền thanh toán: 12.235.300																																																																																							
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm đồng chẵn.																																																																																												
			Ký bởi: Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT Ký ngày: 28/11/2023																																																																																									
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																																																																																												
Mã tra cứu hóa đơn: 43T1H16X69D Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/																																																																																												
Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150																																																																																												

- Trích chứng từ bán hàng

Chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☒ Kiểm phiếu xuất kho

Nhập số báo giá Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay ☐ Tiền mặt ☒ Lập kèm hóa đơn

Chứng từ ghi nợ **Phiếu xuất** **Hóa đơn**

Thông tin chung

Khách hàng: SONDINH Công Ty TNHH TMDV Sơn Định
Mã số thuế: 3502285731 Người liên hệ:
Địa chỉ: 722 Bình Giả - P10 - TP Vũng Tàu
Diễn giải: Bán hàng Công Ty TNHH TMDV Sơn Định theo hóa đơn 0000047
NV bán hàng:
Tham chiếu: 1C23TMT-0000047 XK2300055

Chứng từ

Ngày hạch toán: 28/11/2023
Ngày chứng từ: 28/11/2023
Số chứng từ: BH2300049

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

1. Hàng tiền 2. Thuế 3. Giá vốn 4. Thống kê 5. Khác

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1,00

Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chí phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ
BIENTANFR100	Biển Tăn FR100	131	51111	Cái	1,000	2.800.000,00	2.800.000	
E1024	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	131	51111	Cái	1,000	1.500.000,00	1.500.000	
MOTOPL28	Mô tơ PL28	131	51111	Cái	2,000	2.900.000,00	5.800.000	
VB6305.TH	Vòng bi 6305 - thường	131	51111	Cái	2,000	47.000,00	94.000	
VB6306.TH	Vòng bi 6306 thường	131	51111	Cái	2,000	105.000,00	210.000	
Số dòng = 7					11,000		11.123.000	

Phân bổ chiết khấu... **Tổng tiền hàng** 11.123.000 **Tiền thuế GTGT** 1.112.300

Xem công nợ **Tiền chiết khấu** 0 **Tổng tiền thanh toán** 12.235.300

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Misa

Bước 2: Tại danh mục bán hàng => chọn tab chứng từ bán hàng => chọn bán hàng hóa, dịch vụ trong nước => kiểm phiếu xuất kho => lập kèm hóa đơn => chọn chưa thu tiền => chọn ngày hạch toán => điền đầy đủ thông tin khách hàng và các mặt hàng khách mua

Bước 3: Bấm cất.

f. Đối với doanh thu bán các thành phẩm

* Bán hàng nội địa

- Quy trình luân chuyển chứng từ đã trình bày ở mục đối với doanh thu bán hàng hóa
- Ngày 26 tháng 12 năm 2023, Công Ty đã xuất một máy bẻ đai thép tự động bán cho Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển Thương Mại Tiến Đạt theo số HĐ 0000051



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 26 tháng 12 năm 2023

Mã CQT: 0006DCF7223D0748C88FA10866CBE5C73B

Ký hiệu: 1C23TMT

Số: 00000051

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT**

Mã số thuế: **0401771592**

Địa chỉ: Đường số 8, Khu Công nghiệp Hoà Cẩm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3739 399

Số tài khoản: 040047411655 Ngân hàng TMCP Sacombank - Chi nhánh Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TIẾN ĐẠT**

Mã số thuế: **0104241218**

Địa chỉ: Thôn Thuần Mỹ, Xã Trạch Mỹ Lộc, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy bê đai thép tự động	Cái	1,00	83.000.000	83.000.000
	Chiết khấu		1,00	6.925.926	6.925.926

Cộng tiền hàng: **76.074.074**

Thuế suất GTGT: 8%

Tiền thuế GTGT: **6.085.926**

Tổng tiền thanh toán: **82.160.000**

Số tiền viết bằng chữ: **Tám mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.**

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ký bởi: Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Ký ngày: 26/12/2023

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn: M6TEFDPBK02

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

- Trích chứng từ bán hàng

Chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước
☒ Kiểm phiếu xuất kho

☐ Chưa thu tiền
☐ Thu tiền ngay
☒ Lập kèm hóa đơn

ĐÃ LẬP HÓA ĐƠN

Chứng từ ghi nợ
Phiếu xuất
Hóa đơn

Thông tin chung

Khách hàng: TIENDAT
Công Ty TNHH ĐT Xây Dựng và Phát triển TM Tiến Đạt

Mã số thuế: 0104241218
Người liên hệ:

Địa chỉ: Thôn Thuần Mỹ, Xã TRạch Mỹ Lộc, Huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội, VN

Diễn giải: Bán hàng Công Ty TNHH ĐT Xây Dựng và Phát triển TM Tiến Đạt theo hóa đơn 0000051

NV bán hàng:

Tham chiếu: 1C23TMT-0000051_XK2300062 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán: 26/12/2023

Ngày chứng từ: 26/12/2023

Số chứng từ: BH2300053

Điều khoản TT:
Số ngày được nợ: (ngày)
Hạn thanh toán:

1. Hàng tiền
2. Thuế
3. Giá vốn
4. Thống kê
5. Khác

Loại tiền: VND
Tỷ giá: 1,00

Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chỉ phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK
AX-10.14	Máy bê dai thép tự động	131	51121	Cái	1,000	83.000.000,00	83.000.000	
Số dòng = 1					1,000		83.000.000	

Phân bổ chiết khấu...

Tổng tiền hàng
83.000.000
Tiền thuế GTGT
6.085.926

Tiền chiết khấu
6.925.926
Tổng tiền thanh toán
82.160.000

Sau khi dữ liệu nhập vào phần mềm thì phần mềm sẽ tự cập nhật dữ liệu lên các sổ nhật ký chung, sổ cái 511, sổ chi tiết 51111, 51121.

Vào mục báo cáo => chọn mục tổng hợp => sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản.

* Bán hàng xuất khẩu

- Ngày 12 tháng 12 năm 2023 Công ty đã xuất sáu máy bẻ đai thép tự động bán cho khách hàng ASIA BOND theo hóa đơn TMT-FCL071223

1/3

<EXP>

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai **306063806920** Số tờ khai đầu tiên - / **306063806920**

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình B11 2 Mã số thuế đại diện 8462

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CANGDANANG Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 12/12/2023 19:39:46 Ngày thay đổi đăng ký / /

Thời hạn tái nhập/ tái xuất / / -

Người xuất khẩu

Mã 0401771592

Tên CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT

Mã bưu chính (+84) 43

Địa chỉ Đường số 8 - Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng.

Số điện thoại +84

Người ủy thác xuất khẩu

Mã

Tên

Người nhập khẩu

Mã

Tên ASIA BOND BROTHERS CO., LTD

Mã bưu chính

Địa chỉ ROOM NO. (706), 7TH FLOOR, TOWER B, COMPLEX 45, 45TH STREET, BOTATAUNG TOWNSHIP, YANGON REGION, MYANMAR

Mã nước NM

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn 12230002741417

Số lượng 6 PK

Tổng trọng lượng hàng (Gross) 2.400 KGM

Địa điểm lưu kho 34CES01 XN CANG TIEN SA

Địa điểm nhận hàng cuối cùng MNRGN YANGON

Địa điểm xếp hàng VNDTS CANG TIEN SA (D.NANG)

Phương tiện vận chuyển dự kiến 9999 EVER PRIMA 0346-3945

Ngày hàng đi dự kiến 14/12/2023

Ký hiệu và số hiệu

Giấy phép xuất khẩu

1

2

3

4

5

Số hóa đơn A - TMT-FCL-071223

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành 07/12/2023

Phương thức thanh toán KC

Tổng trị giá hóa đơn C&F - USD - 21.600 - A

Tổng trị giá tính thuế USD - 21.600

Tỷ giá tính thuế USD - 24.090 -

Tổng hệ số phân bổ trị giá 21.600 -

Phân loại không cần quy đổi VND

Người nộp thuế 1

Mã xác định thời hạn nộp thuế D

Phân loại nộp thuế A

Tổng số tiền thuế xuất khẩu

Tổng số tiền lệ phí VND

Số tiền bảo lãnh

Tổng số trang của tờ khai 3

Tổng số dòng hàng của tờ khai 1

Số đính kèm khai báo điện tử 1 - 2 - 3 -

Phần ghi chú PTT: T/T; Hàng đã tập kết tại Cảng Tiên Sa

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp

Số quản lý người sử dụng 00002

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan CCT Chi cục hải quan Cảng Đà Nẵng

Ngày hoàn thành kiểm tra 12/12/2023 19:39:

Ngày cấp phép xuất nhập 12/12/2023 19:39:

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành) 12/12/2023

	Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển 1		/ /	/ /
2		/ /	/ /
3		/ /	/ /

Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế 34CES01 12/12/2023

<EXP>

2/3

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai **306063806920** Số tờ khai đầu tiên - /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình B11 2 Mã số thuế đại diện 8462
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CANG DANANG Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
Ngày đăng ký 12/12/2023 19:39:46 Ngày thay đổi đăng ký / /
Thời hạn tái nhập/ tái xuất / / -

Vanning

Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng

Mã 1 34CES01 2 3 4 5

Tên XN CANG TIEN SA

Địa chỉ 01 Yết Kiêu Đà Nẵng

Số container

1	EGRU3842258	2	3	4	5
6		7	8	9	10
11		12	13	14	15
16		17	18	19	20
21		22	23	24	25
26		27	28	29	30
31		32	33	34	35
36		37	38	39	40
41		42	43	44	45
46		47	48	49	50

Chỉ thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

<EXP>

3/3

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai	306063806920	Số tờ khai đầu tiên	-	/
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Mã phân loại kiểm tra	1	Mã loại hình	B11	2
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		CANGDANANG	Mã số thuế đại diện	8462
Ngày đăng ký	12/12/2023 19:39:46		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ / -		Ngày thay đổi đăng ký	/ /

<01>

Mã số hàng hóa	84622900	Mã quản lý riêng
Mô tả hàng hóa	Máy bẻ đai thép, Model: AX-10-EXP, Mối 100t#6VN	

		Số lượng (1)	6	SET	
		Số lượng (2)	6	PCE	
Trị giá hóa đơn	21.600	Đơn giá hóa đơn	3.600	-	USD - SET
Thuế xuất khẩu					
Trị giá tính thuế (S)	520.344.000	VND	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	86.724.000	VND SET
Thuế suất					
Số tiền thuế		VND			
Số tiền miễn giảm					
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế xuất khẩu					
Tiền lệ phí	Đơn giá		Tiền bảo hiểm	Đơn giá	
	Số lượng			Số lượng	
	Khoản tiền	VND		Khoản tiền	VND
Mã văn bản pháp luật khác	1	2	3	4	5
Miễn / Giảm / Không chịu thuế xuất khẩu					

- Trích chứng từ bán hàng

Chứng từ bán hàng 2. Bán hàng xuất khẩu ☒ Kiểm phiếu xuất kho

Nhập số báo giá ☐ Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay Tiền mặt ☒ Lập kèm hóa đơn **ĐÃ LẬP HÓA ĐƠN**

Chứng từ ghi nợ **Phiếu xuất** **Hóa đơn**

Thông tin chung

Khách hàng: ASIA BOND Asia Bond Brothers Co.,Ltd
Mã số thuế: Người liên hệ:
Địa chỉ: Room No.(706),7th floor, Tower B, Complex 45,45 th Street, Botahtaung Township, Yangon Region, Myanmar
Diễn giải: Bán hàng Asia Bond Brothers Co.,Ltd theo hóa đơn TMT-FCL071223
NV bán hàng:
Tham chiếu: -TMT-FCL071223 XK2300058 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán: 12/12/2023
Ngày chứng từ: 12/12/2023
Số chứng từ: BH2400004

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

1. Hàng tiền 2. Thuế 3. Giá vốn 4. Thống kê 5. Khác Loại tiền: USD Tỷ giá: 24.090,00

Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chỉ phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thành t
AX-10.11-EXP	Máy bẻ đai thép tự động	131	51122	Cái	6,000	3.600,00	21.600,00	
Số dòng = 1					6,000		21.600,00	

Quy trình nhập dữ liệu vào phần mềm Misa

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Misa

Bước 2: Tại danh mục bán hàng => chọn tab chứng từ bán hàng => chọn bán hàng xuất khẩu => kiểm phiếu xuất kho => lập kèm hóa đơn => chọn chưa thu tiền => chọn ngày hạch toán => điền đầy đủ thông tin khách hàng và các mặt hàng khách mua

Bước 3: Bấm cất.

- Trích nhật kí chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2023							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...	...	...	...	...	...	...	...
06/10/2023	06/10/2023	BH2300040	Máy bẻ đai thép tự động	131	51121	82,000,000	0
06/10/2023	06/10/2023	BH2300040	Máy bẻ đai thép tự động	51121	131	0	82,000,000
06/10/2023	06/10/2023	BH2300040	Máy bẻ đai thép tự động	5211	131	5,925,926	0
06/10/2023	06/10/2023	BH2300040	Máy bẻ đai thép tự động	131	5211	0	5,925,926
06/10/2023	06/10/2023	BH2300040	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	131	33311	6,085,926	0
06/10/2023	06/10/2023	BH2300040	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	33311	131	0	6,085,926
...	...			...	...	...	...
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Biển Tần FR100	131	51111	2,800,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Biển Tần FR100	51111	131	0	2,800,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Biển Tần FR100	131	33311	280,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Biển Tần FR100	33311	131	0	280,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	131	51111	1,500,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	51111	131	0	1,500,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Bộ đếm góc (Encoder 1024)	131	33311	150,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Bộ đếm góc (Encoder 1024)	33311	131	0	150,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Mô tơ PL28	131	51111	5,800,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Mô tơ PL28	51111	131	0	5,800,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Mô tơ PL28	131	33311	580,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Mô tơ PL28	33311	131	0	580,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Vòng bi 6305 - thường	131	51111	94,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Vòng bi 6305 - thường	51111	131	0	94,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Vòng bi 6305 - thường	131	33311	9,400	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Vòng bi 6305 - thường	33311	131	0	9,400
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Vòng bi 6306 thường	131	51111	210,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Vòng bi 6306 thường	51111	131	0	210,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Vòng bi 6306 thường	131	33311	21,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Vòng bi 6306 thường	33311	131	0	21,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Vòng Bi 1 chiều CSK205	131	51111	484,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Vòng Bi 1 chiều CSK205	51111	131	0	484,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Vòng Bi 1 chiều CSK205	131	33311	48,400	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Vòng Bi 1 chiều CSK205	33311	131	0	48,400
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Dây Curoa (776)	131	51111	235,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Dây Curoa (776)	51111	131	0	235,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Dây Curoa (776)	131	33311	23,500	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Dây Curoa (776)	33311	131	0	23,500
...	...						
12/12/2023	12/12/2023	BH2400004	Máy bẻ đai thép tự động	131	51122	520,344,000	0
12/12/2023	12/12/2023	BH2400004	Máy bẻ đai thép tự động	51122	131	0	520,344,000
...	...			...	...	...	...
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bẻ đai thép tự động	131	51121	83,000,000	0
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bẻ đai thép tự động	51121	131	0	83,000,000
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bẻ đai thép tự động	5211	131	6,925,926	0
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bẻ đai thép tự động	131	5211	0	6,925,926
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	131	33311	6,085,926	0
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	33311	131	0	6,085,926
...	...	...	...	...	...	...	...
						45,828,209,744	45,828,209,744

- Trích sổ cái 511

Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm

Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính:

VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Tra ng số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...					...
13/10/2023	BH2300041	13/10/2023	Bán hàng Công Ty TNHH Hưng Hải theo hóa đơn 0000039			131		83,000,000
...	...	...	...	...	...	...	...	
28/11/2023	BH2300049	28/11/2023	Bán hàng Công Ty TNHH TMDV Sơn Định theo hóa đơn 0000047			131		11,123,000
30/11/2023	BH2300050	30/11/2023	Bán hàng Công Ty TNHH XD & TM Thiên Ân theo hóa đơn 0000048			131		82,000,000
...	...		...	...				
12/12/2023	BH2400004	12/12/2023	Bán hàng Asia Bond Brothers Co.,Ltd theo hóa đơn TMT-FCL071223			131		520,344,000
14/12/2023	BH2300051	14/12/2023	Bán hàng Công Ty CP Xây Dựng Thăng Long theo hóa đơn 0000049			131		83,000,000
26/12/2023	BH2300053	26/12/2023	Bán hàng Công Ty TNHH ĐT Xây Dựng và Phát triển TM Tiên Đạt theo hóa đơn 0000051			131		83,000,000
31/12/2023	NVK2300183	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			5211	249,335,609	
31/12/2023	NVK2300183	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			911	4,497,024,527	
			- Cộng số phát sinh				4,746,360,136	4,746,360,136
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				4,746,360,136	4,746,360,136

- Trích sổ chi tiết 51111

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 51111; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
04/05/2023	04/05/2023	BH2300019	Biển Tần FR100	51111	131	0	2,800,000	0	12,385,000
04/05/2023	04/05/2023	BH2300019	Mô tơ PL28	51111	131	0	2,900,000	0	15,285,000
04/05/2023	04/05/2023	BH2300019	Đômino 12P 20A TB20A10P	51111	131	0	90,000	0	15,375,000
12/05/2023	12/05/2023	BH2300021	Mô tơ PL28	51111	131	0	2,900,000	0	18,275,000
12/05/2023	12/05/2023	BH2300021	Dây Curoa (776)	51111	131	0	263,636	0	18,538,636
17/06/2023	17/06/2023	BH2300022	Hộp số LDRV75-1/15-90B5	51111	131	0	1,780,000	0	20,318,636
17/06/2023	17/06/2023	BH2300023	Bộ đếm chiều dài (Encoder 300)	51111	131	0	1,300,000	0	21,618,636
17/06/2023	17/06/2023	BH2300023	Bộ nguồn	51111	131	0	541,500	0	22,160,136
22/11/2023	22/11/2023	BH2300045	Biển Tần FR100	51111	131	0	2,800,000	0	24,960,136
22/11/2023	22/11/2023	BH2300045	Mô tơ PL28	51111	131	0	2,900,000	0	27,860,136
22/11/2023	22/11/2023	BH2300045	Kính cảm ứng	51111	131	0	1,000,000	0	28,860,136
22/11/2023	22/11/2023	BH2300045	Buly rãnh	51111	131	0	130,000	0	28,990,136
28/11/2023	28/11/2023	BH2300048	Buly rãnh	51111	131	0	518,000	0	29,508,136
28/11/2023	28/11/2023	BH2300048	Buly nắn trơn	51111	131	0	304,000	0	29,812,136
28/11/2023	28/11/2023	BH2300048	Dao cắt trên dùng chung	51111	131	0	465,000	0	30,277,136
28/11/2023	28/11/2023	BH2300048	Chốt uốn	51111	131	0	210,000	0	30,487,136
28/11/2023	28/11/2023	BH2300048	Bạc uốn thép	51111	131	0	210,000	0	30,697,136
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Biển Tần FR100	51111	131	0	2,800,000	0	33,497,136
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	51111	131	0	1,500,000	0	34,997,136
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Mô tơ PL28	51111	131	0	5,800,000	0	40,797,136
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Vòng bi 6305 - thường	51111	131	0	94,000	0	40,891,136
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Vòng bi 6306 thường	51111	131	0	210,000	0	41,101,136
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Vòng Bi 1 chiều CSK205	51111	131	0	484,000	0	41,585,136
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Dây Curoa (776)	51111	131	0	235,000	0	41,820,136
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa	51111	911	41,820,136	0	0	0
			Cộng	51111		41,820,136	41,820,136		
			Số dư cuối kỳ	51111				0	0

- Trích sổ chi tiết 51121

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 51121; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
...									
06/10/2023	06/10/2023	BH2300040	Máy bê dai thép tự động	51121	131	0	82,000,000	0	2,832,500,000
13/10/2023	13/10/2023	BH2300041	Máy bê dai thép tự động	51121	131	0	83,000,000	0	2,915,500,000
16/10/2023	16/10/2023	BH2300042	Máy bê dai thép tự động	51121	131	0	81,000,000	0	2,996,500,000
25/10/2023	25/10/2023	BH2300043	Máy bê dai thép tự động	51121	131	0	80,000,000	0	3,076,500,000
04/11/2023	04/11/2023	BH2300044	Máy bê dai thép tự động	51121	131	0	84,000,000	0	3,160,500,000
25/11/2023	25/11/2023	BH2300046	Máy bê dai thép tự động	51121	131	0	84,000,000	0	3,244,500,000
27/11/2023	27/11/2023	BH2300047	Máy bê dai thép tự động	51121	131	0	84,000,000	0	3,328,500,000
30/11/2023	30/11/2023	BH2300050	Máy bê dai thép tự động	51121	131	0	82,000,000	0	3,410,500,000
14/12/2023	14/12/2023	BH2300051	Máy bê dai thép tự động	51121	131	0	83,000,000	0	3,493,500,000
21/12/2023	21/12/2023	BH2300052	Máy bê dai thép tự động	51121	131	0	82,000,000	0	3,575,500,000
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bê dai thép tự động	51121	131	0	83,000,000	0	3,658,500,000
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300183	Kết chuyển chiết khấu thương mại	51121	5211	249,335,609	0	0	3,409,164,391
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300183	Kết chuyển doanh thu bán TP Nội địa	51121	911	3,409,164,391	0	0	0
			Cộng	51121		3,658,500,000	3,658,500,000		
			Số dư cuối kỳ	51121				0	0

- Trích sổ chi tiết 51122

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 51122; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
09/03/2023	09/03/2023	BH2300012	Máy bê đai thép tự động	51122	131	0	525,696,000	0	525,696,000
12/12/2023	12/12/2023	BH2400004	Máy bê đai thép tự động	51122	131	0	520,344,000	0	1,046,040,000
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300183	Kết chuyển doanh thu bán TP xuất khẩu	51122	911	1,046,040,000	0	0	0
			Cộng	51122		1,046,040,000	1,046,040,000		
			Số dư cuối kỳ	51122				0	0

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

a. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu xuất kho
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 521
 - Sổ chi tiết 5211

b. Tài khoản sử dụng

Sổ cái 521: các khoản giảm trừ doanh thu

Sổ chi tiết 5211: chiết khấu thương mại

Trong năm 2023 công ty phát sinh 5211 chiết khấu thương mại

Quy trình luân chuyển chứng từ đã trình bày ở mục doanh thu bán hàng

Ngày 26 tháng 12 năm 2023 công ty đã bán một máy bẻ đai thép tự động cho Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển Thương Mại Tiến Đạt theo HĐ 0000051, công ty đã chiết khấu thương mại cho doanh nghiệp.

- Trích chứng từ bán hàng

Chứng từ bán hàng

Nhập số báo giá

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước

Kiểm phiếu xuất kho

☐ Chưa thu tiền

☐ Thu tiền ngay

Tiền mặt

Lắp kèm hóa đơn

ĐÃ LẬP HÓA ĐƠN

Chứng từ ghi nợ

Phiếu xuất

Hóa đơn

Thông tin chung

Khách hàng

TIENDAT

Công Ty TNHH ĐT Xây Dựng và Phát triển TM Tiến Đạt

Mã số thuế

0104241218

Người liên hệ

Địa chỉ

Thôn Thuận Mỹ, Xã Trạch Mỹ Lộc, Huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội, VN

Diễn giải

Bán hàng Công Ty TNHH ĐT Xây Dựng và Phát triển TM Tiến Đạt theo hóa đơn 0000051

NV bán hàng

Tram chiếu

1C23TMT-0000051 XK2300062

Chung từ

Ngày hạch toán

26/12/2023

Ngày chứng từ

26/12/2023

Số chứng từ

BH2300053

Điều khoản TT

Số ngày được nợ

(ngày)

Hạn thanh toán

1. Hàng tiêu

2. Thuế

3. Giá vốn

4. Thông kê

5. Khác

Loại tiền

VND

Tỷ giá

1.00

Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ/chí phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK (%)	Tiền chiết khấu	TK chiết khấu
AX-10.14	Máy bê đai thép tự động	131	51121	Cái	1,000	83.000.000,00	83.000.000	8,34	6.925.926	5211
Số đồng = 1					1,000		83.000.000		6.925.926	
Phần bổ chiết khấu...					Tổng tiền hàng	83.000.000	Tiền thuế GTGT	6.085.926		
Xem cộng nợ					Tiền chiết khấu	6.925.926	Tổng tiền thanh toán	82.160.000		

Quy trình nhập dữ liệu vào phần mềm

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Misa

Bước 2: Vào phân hệ bán hàng => chọn tab chứng từ bán hàng => chọn bán hàng hóa, dịch vụ trong nước => kiểm phiếu xuất kho => lập kèm hóa đơn => chọn chưa thu tiền => chọn ngày hạch toán => điền đầy đủ thông tin khách hàng và các mặt hàng khách mua

Bước 3: Cát

Sau khi cắt thì dữ liệu sẽ tự động cập nhật lên các sổ

- Trích sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2023							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
....	...	...	...	...			...
...	...	...	...	...	...	...	...
25/10/2023	25/10/2023	BH2300043	Máy bẻ đai thép tự động	131	51121	80,000,000	0
25/10/2023	25/10/2023	BH2300043	Máy bẻ đai thép tự động	51121	131	0	80,000,000
25/10/2023	25/10/2023	BH2300043	Máy bẻ đai thép tự động	5211	131	5,851,852	0
25/10/2023	25/10/2023	BH2300043	Máy bẻ đai thép tự động	131	5211	0	5,851,852
25/10/2023	25/10/2023	BH2300043	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	131	33311	5,931,852	0
25/10/2023	25/10/2023	BH2300043	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	33311	131	0	5,931,852
...	...	...	...	...		...	...
25/11/2023	25/11/2023	BH2300046	Máy bẻ đai thép tự động	131	51121	84,000,000	0
25/11/2023	25/11/2023	BH2300046	Máy bẻ đai thép tự động	51121	131	0	84,000,000
25/11/2023	25/11/2023	BH2300046	Máy bẻ đai thép tự động	5211	131	6,000,000	0
25/11/2023	25/11/2023	BH2300046	Máy bẻ đai thép tự động	131	5211	0	6,000,000
25/11/2023	25/11/2023	BH2300046	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	131	33311	6,240,000	0
25/11/2023	25/11/2023	BH2300046	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	33311	131	0	6,240,000
...	...			...		...	...
14/12/2023	14/12/2023	BH2300051	Máy bẻ đai thép tự động	131	51121	83,000,000	0
14/12/2023	14/12/2023	BH2300051	Máy bẻ đai thép tự động	51121	131	0	83,000,000
14/12/2023	14/12/2023	BH2300051	Máy bẻ đai thép tự động	5211	131	5,962,963	0
14/12/2023	14/12/2023	BH2300051	Máy bẻ đai thép tự động	131	5211	0	5,962,963
14/12/2023	14/12/2023	BH2300051	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	131	33311	6,162,963	0
14/12/2023	14/12/2023	BH2300051	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	33311	131	0	6,162,963
...	...	...	...	...	...	...	...
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bẻ đai thép tự động	131	51121	83,000,000	0
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bẻ đai thép tự động	51121	131	0	83,000,000
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bẻ đai thép tự động	5211	131	6,925,926	0
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bẻ đai thép tự động	131	5211	0	6,925,926
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	131	33311	6,085,926	0
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	33311	131	0	6,085,926
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chiết khấu thương mại	51121	5211	68,296,297	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chiết khấu thương mại	5211	51121	0	68,296,297
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển doanh thu bán TP Nội địa	51121	911	839,703,703	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển doanh thu bán TP Nội địa	911	51121	0	839,703,703
						45,828,209,744	45,828,209,744

- Trích sổ cái 521

Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm

Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu

Đơn vị tính:
VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...								...
06/10/2023	BH2300040	06/10/2023	Bán hàng Công Ty TNHH Bê tông Vĩnh Thành theo hóa đơn 0000038			131	5,925,926	
13/10/2023	BH2300041	13/10/2023	Bán hàng Công Ty TNHH Hưng Hải theo hóa đơn 0000039			131	6,925,926	
...	...				...			
04/11/2023	BH2300044	04/11/2023	Bán hàng Công Ty TNHH TM&XD Tú Nhận theo hóa đơn 0000042			131	6,000,000	
25/11/2023	BH2300046	25/11/2023	Bán hàng Doanh nghiệp Tư Nhân Phương Thắng Bắc Kạn theo hóa đơn 0000044			131	6,000,000	
...								
21/12/2023	BH2300052	21/12/2023	Bán hàng Công Ty TNHH TM& DV Như Quyền theo hóa đơn 0000050			131	5,925,926	
26/12/2023	BH2300053	26/12/2023	Bán hàng Công Ty TNHH ĐT Xây Dựng và Phát triển TM Tiến Đạt theo hóa đơn 0000051			131	6,925,926	
...								
31/12/2023	NVK2300183	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			51121		249,335,609
			- Cộng số phát sinh				249,335,609	249,335,609
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				249,335,609	249,335,609

- Trích sổ chi tiết 5211

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 5211; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
06/10/2023	06/10/2023	BH2300040	Máy bê dai thép tự động	5211	131	5,925,926	0	186,965,238	0
13/10/2023	13/10/2023	BH2300041	Máy bê dai thép tự động	5211	131	6,925,926	0	193,891,164	0
16/10/2023	16/10/2023	BH2300042	Máy bê dai thép tự động	5211	131	6,851,852	0	200,743,016	0
25/10/2023	25/10/2023	BH2300043	Máy bê dai thép tự động	5211	131	5,851,852	0	206,594,868	0
04/11/2023	04/11/2023	BH2300044	Máy bê dai thép tự động	5211	131	6,000,000	0	212,594,868	0
25/11/2023	25/11/2023	BH2300046	Máy bê dai thép tự động	5211	131	6,000,000	0	218,594,868	0
27/11/2023	27/11/2023	BH2300047	Máy bê dai thép tự động	5211	131	6,000,000	0	224,594,868	0
30/11/2023	30/11/2023	BH2300050	Máy bê dai thép tự động	5211	131	5,925,926	0	230,520,794	0
14/12/2023	14/12/2023	BH2300051	Máy bê dai thép tự động	5211	131	5,962,963	0	236,483,757	0
21/12/2023	21/12/2023	BH2300052	Máy bê dai thép tự động	5211	131	5,925,926	0	242,409,683	0
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bê dai thép tự động	5211	131	6,925,926	0	249,335,609	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chiết khấu thương mại	5211	51121	0	249,335,609	0	0
			Cộng	5211		249,335,609	249,335,609		
			Số dư cuối kỳ	5211				0	0

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

a. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo có
 - Phiếu thu
 - Sổ phụ ngân hàng
 - Các chứng từ liên quan
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 515
 - Sổ chi tiết 515

b. Tài khoản sử dụng

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là hoạt động tài chính mạng lại từ việc nhận lãi tiền gửi của ngân hàng và chênh lệch tỷ giá.

Công ty sử dụng tài khoản 515: doanh thu hoạt động tài chính

c. Quy trình luân chuyển chứng từ sổ sách

Ngày 31/12/2023, Công Ty nhận được giấy báo có thu lãi tiền gửi của ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng với số tiền lãi mà công ty nhận được là 252.608 VNĐ.

Dưới đây là giấy báo có

Công ty Cổ Phần chế tạo máy TMT
Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

GIẤY BÁO CỎ

Người nộp tiền: Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Đà Nẵng		Số: NTKK2300117		
Địa chỉ: 130-132 Bạch Đằng - Q.Hải Châu - TP Đà Nẵng		Ngày: 31/12/2023		
Lý do: Thu lãi Ngân hàng Tháng 12/2023		Tài khoản: 1121		
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: 040047411655				
Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Đà Nẵng				
Số tiền: 252.608		Loại tiền: VND		
Số tiền bằng chữ: Hai trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm linh tám đồng chẵn.				
Diễn giải	Số tiền nguyên tệ (VND)	Số tiền (VND)	Ghi Nợ	Ghi Có
Thu lãi Ngân hàng Tháng 12/2023	252.608	252.608	1121	515

Giám đốc **Kế toán trưởng** **Người lập phiếu** **Người nộp tiền** **Thủ quỹ**
(Ký, họ tên, đóng dấu) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)*

Sau khi nhận giấy báo có, kế toán tiến hành hạch toán lên phần mềm Misa như sau:

- Bước 1: Mở phần mềm Misa và đăng nhập vào

Đăng nhập

 **MISA SME.NET 2017TM**
PHẦN MỀM KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

 Dữ liệu kế toán

Tên người dùng

Mật khẩu

[Mở rộng](#) >>

- Bước 2: Chọn tab ngân hàng => chọn thu tiền => thu tiền gửi => nhập đầy đủ thông tin: đối tượng, nộp vào tài khoản, ngày hạch toán, lý do thu tiền và nhập số tiền trên tờ giấy báo có.

- Trích sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2023							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...	...	...	...	...	...	..	...
27/10/2023	27/10/2023	UNC2300062	Xử lý chênh lệch tỷ giá	6425	515	5,322	0
27/10/2023	27/10/2023	UNC2300062	Xử lý chênh lệch tỷ giá	515	6425	0	5,322
31/10/2023	31/10/2023	NTTK2300099	Thu lãi Ngân hàng Sacom Tháng 10/2023	1121	515	173,896	0
31/10/2023	31/10/2023	NTTK2300099	Thu lãi Ngân hàng Sacom Tháng 10/2023	515	1121	0	173,896
...	...				...	...	...
30/11/2023	30/11/2023	NTTK2300107	Thu tiền lãi Ngân hàng Tháng 11/2023	1121	515	198,534	0
30/11/2023	30/11/2023	NTTK2300107	Thu tiền lãi Ngân hàng Tháng 11/2023	515	1121	0	198,534
...	...	...	...	...	...	...	...
29/12/2023	29/12/2023	UNC2300074	Xử lý chênh lệch tỷ giá	6425	515	26,900	0
29/12/2023	29/12/2023	UNC2300074	Xử lý chênh lệch tỷ giá	515	6425	0	26,900
29/12/2023	29/12/2023	UNC2300076	Xử lý chênh lệch tỷ giá	331	515	7,032,027	0
29/12/2023	29/12/2023	UNC2300076	Xử lý chênh lệch tỷ giá	515	331	0	7,032,027
...	...		...	...	...	...	...
31/12/2023	31/12/2023	NTTK2300117	Thu lãi Ngân hàng Tháng 12/2023	1121	515	252,608	0
31/12/2023	31/12/2023	NTTK2300117	Thu lãi Ngân hàng Tháng 12/2023	515	1121	0	252,608
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	93,268,835	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	515	0	93,268,835
						45,828,209,744	45,828,209,744

- Trích sổ cái 515

Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm

Lê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị
tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...				...				
31/10/2023	NTTK2300099	31/10/2023	Thu lãi Ngân hàng Sacom Tháng 10/2023			1121		173,896
29/11/2023	UNC2300067	29/11/2023	Phí duy trì và quản lý TK USD Tháng 11/2023			6425		4,299
30/11/2023	NTTK2300107	30/11/2023	Thu tiền lãi Ngân hàng Tháng 11/2023			1121		198,534
25/12/2023	CTNB00006	25/12/2023	Bán 50 000 USD nhập vào TK VND			1121		52,882,000
27/12/2023	UNC2300071	27/12/2023	Phí duy trì và quản lý TK USD Tháng 12/2023			6425		4,546
...								
29/12/2023	UNC2300075	29/12/2023	Phí chuyển tiền HDong ZC231227 Mua thép SKD (chuyển 4.940 \$)			6425		26,128
29/12/2023	UNC2300076	29/12/2023	Chuyển cọc GENGYUAN để mua thép 304			331		7,032,027
29/12/2023	UNC2300077	29/12/2023	Chuyển cọc HUBEI mua thép SDK11			331		4,921,821
31/12/2023	NTTK2300117	31/12/2023	Thu lãi Ngân hàng Tháng 12/2023			1121		252,608
31/12/2023	NVK2300152	31/12/2023	Đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.			1122		27,740,754
31/12/2023	NVK2300183	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			911	94,343,436	
			- Cộng số phát sinh				94,343,436	94,343,436
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				94,343,436	94,343,436

- Trích sổ chi tiết 515

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 515; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
27/10/2023	27/10/2023	UNC2300062	Xử lý chênh lệch tỷ giá	515	6425	0	5,322	0	1,079,923
31/10/2023	31/10/2023	NTTK2300099	Thu lãi Ngân hàng Sacom Tháng 10/2023	515	1121	0	173,896	0	1,253,819
29/11/2023	29/11/2023	UNC2300067	Xử lý chênh lệch tỷ giá	515	6425	0	4,299	0	1,258,118
30/11/2023	30/11/2023	NTTK2300107	Thu tiền lãi Ngân hàng Tháng 11/2023	515	1121	0	198,534	0	1,456,652
25/12/2023	25/12/2023	CTNB00006	Xử lý chênh lệch tỷ giá	515	1121	0	52,882,000	0	54,338,652
27/12/2023	27/12/2023	UNC2300071	Xử lý chênh lệch tỷ giá	515	6425	0	4,546	0	54,343,198
29/12/2023	29/12/2023	UNC2300074	Xử lý chênh lệch tỷ giá	515	6425	0	26,900	0	54,370,098
29/12/2023	29/12/2023	UNC2300075	Xử lý chênh lệch tỷ giá	515	6425	0	26,128	0	54,396,226
29/12/2023	29/12/2023	UNC2300076	Xử lý chênh lệch tỷ giá	515	331	0	7,032,027	0	61,428,253
29/12/2023	29/12/2023	UNC2300077	Xử lý chênh lệch tỷ giá	515	331	0	4,921,821	0	66,350,074
31/12/2023	31/12/2023	NTTK2300117	Thu lãi Ngân hàng Tháng 12/2023	515	1121	0	252,608	0	66,602,682
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300152	Lãi do xử lý chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại ngoại tệ.	515	1122	0	27,740,754	0	94,343,436
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300183	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	94,343,436	0	0	0
			Cộng	515		94,343,436	94,343,436		
			Số dư cuối kỳ	515				0	0

2.2.4. Kế toán thu nhập khác tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Công ty không phát sinh tài khoản 711: kế toán thu nhập khác

2.3. Kế toán chi phí tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

2.3.1. Kế toán giá vốn tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

a. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu xuất kho
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 632
 - Sổ chi tiết 632

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632: giá vốn hàng bán

Công ty sử dụng phương pháp bình quân cuối kỳ. Theo phương pháp này thì cuối kỳ công ty mới tính giá vốn

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000047, kế toán lập phiếu xuất kho bán hàng hóa như sau

Công ty Cổ Phần chế tạo máy TMT
Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, Quận
Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 28 tháng 11 năm 2023

Nợ: 632

Số: XK 2300055

Có: 152

- Họ tên người nhận hàng: Công Ty TNHH TMDV Sơn Định

- Địa chỉ (bộ phận): 722 Bình Giả - P10 - TP Vũng Tàu

- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng Công Ty TNHH TMDV Sơn Định theo hóa đơn 0000047

- Xuất tại kho (ngăn lô): Kho chính

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Biến Tần FR100	BIENTANFR100	Cái	1,000		2.091.463,64	2.091.464
2	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	E1024	Cái	1,000		1.188.822,36	1.188.822
3	Mô tơ PL28	MOTOP28	Cái	2,000		2.401.484,76	4.802.970
4	Vòng bi 6305 - thường	VB6305.TH	Cái	2,000		33.956,12	67.912
5	Vòng bi 6306 thường	VB6306.TH	Cái	2,000		80.000,00	160.000
6	Vòng Bi 1 chiều CSK205	VB1C CSK205	Cái	2,000		233.420,77	466.842
7	Dây Curoa (776)	DAYCUROA776	Dây	1,000		180.000,00	180.000
	Cộng						8.958.010

Quy trình nhập dữ liệu vào phần mềm

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Misa

Bước 2: Vào phân hệ kho => chọn tab xuất kho => chọn bán hàng => nhập chứng từ bán hàng => nhập thông tin của khách hàng và hàng hóa của khách

Bước 3: Cất

Sau khi lưu dữ liệu thì phần mềm sẽ tự cập nhật lên các sổ nhật ký chung, sổ cái 632, sổ chi tiết 632

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000051, kế toán lập phiếu xuất kho bán thành phẩm như sau

Công ty Cổ Phần chế tạo máy TMT
Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, Quận
Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 26 tháng 12 năm 2023

Nợ: 632

Số: XK 2300062

Có: 1551

- Họ tên người nhận hàng: Công Ty TNHH ĐT Xây Dựng và Phát triển TM Tiến Đạt
- Địa chỉ (bộ phận): Thôn Thuần Mỹ, Xã Trạch Mỹ Lộc, Huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội, VN
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng Công Ty TNHH ĐT Xây Dựng và Phát triển TM Tiến Đạt theo hóa đơn 0000051
- Xuất tại kho (ngăn lô): Kho Thành Phẩm

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy bê tông tự động	AX-10.14	Cái	1,000		47.810.912,50	47.810.913
	Cộng						47.810.913

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn mươi bảy triệu tám trăm mười nghìn chín trăm mười ba đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày tháng năm

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Hoặc bộ phận có
nhu cầu nhập)

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Trích sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2023							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...				...			
...	...	...	...	...	...	...	...
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Biển Tàn FR100	131	51111	2,800,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Biển Tàn FR100	51111	131	0	2,800,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Biển Tàn FR100	131	33311	280,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Biển Tàn FR100	33311	131	0	280,000
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Biển Tàn FR100	632	152	2,091,464	0
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Biển Tàn FR100	152	632	0	2,091,464
...	...	...	...	...	...	...	...
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	131	51111	1,500,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	51111	131	0	1,500,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Bộ đếm góc (Encoder 1024)	131	33311	150,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Bộ đếm góc (Encoder 1024)	33311	131	0	150,000
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	632	152	1,188,822	0
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	152	632	0	1,188,822
...	...	...	...	...	...	...	...
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Mô tơ PL28	131	51111	5,800,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Mô tơ PL28	51111	131	0	5,800,000
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Mô tơ PL28	131	33311	580,000	0
28/11/2023	28/11/2023	BH2300049	Thuế GTGT - Mô tơ PL28	33311	131	0	580,000
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Mô tơ PL28	632	152	4,802,970	0
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Mô tơ PL28	152	632	0	4,802,970
...	...	...					...
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bẻ đai thép tự động	131	51121	83,000,000	0
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bẻ đai thép tự động	51121	131	0	83,000,000
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bẻ đai thép tự động	5211	131	6,925,926	0
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Máy bẻ đai thép tự động	131	5211	0	6,925,926
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	131	33311	6,085,926	0
26/12/2023	26/12/2023	BH2300053	Thuế GTGT - Máy bẻ đai thép tự động	33311	131	0	6,085,926
26/12/2023	26/12/2023	XK2300062	Máy bẻ đai thép tự động	632	1551	47,810,913	0
26/12/2023	26/12/2023	XK2300062	Máy bẻ đai thép tự động	1551	632	0	47,810,913
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	970,401,716	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	911	0	970,401,716
						45,828,209,744	45,828,209,744

- Trích sổ cái 632

Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm

Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính:

VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Tra ng số	ST T dò ng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
16/10/2023	XK2300048	16/10/2023	Xuất kho bán hàng Công Ty TNHH SX-TM & DV Thanh Sơn theo hóa đơn 0000040			1551	69,019,882	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/11/2023	XK2300052	25/11/2023	Xuất kho bán hàng Doanh nghiệp Tư Nhân Phương Thắng Bắc Kạn theo hóa đơn 0000044			1551	69,019,882	
28/11/2023	XK2300055	28/11/2023	Xuất kho bán hàng Công Ty TNHH TMDV Sơn Định theo hóa đơn 0000047			152	8,958,010	
14/12/2023	XK2300059	14/12/2023	Xuất kho bán hàng Công Ty CP Xây Dựng Thăng Long theo hóa đơn 0000049			1551	47,810,913	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
26/12/2023	XK2300062	26/12/2023	Xuất kho bán hàng Công Ty TNHH ĐT Xây Dựng và Phát triển TM Tiến Đạt theo hóa đơn 0000051			1551	47,810,913	
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			911		3,775,113,657
			- Cộng số phát sinh				3,775,113,657	3,775,113,657
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				3,775,113,657	3,775,113,657

- Trích sổ chi tiết 632

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 632; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...	..	..	...
16/10/2023	16/10/2023	XK2300048	Máy bẻ đai thép tự động	632	1551	69,019,882	0	3,011,771,587	0
25/10/2023	25/10/2023	XK2300049	Máy bẻ đai thép tự động	632	1551	69,019,882	0	3,080,791,469	0
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Biến Tần FR100	632	152	2,091,464	0	3,274,883,796	0
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Bộ đếm góc (Encoder 1024)	632	152	1,188,822	0	3,276,072,618	0
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Mô tơ PL28	632	152	4,802,970	0	3,280,875,588	0
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Vòng bi 6305 - thường	632	152	67,912	0	3,280,943,500	0
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Vòng bi 6306 thường	632	152	160,000	0	3,281,103,500	0
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Vòng Bi 1 chiều CSK205	632	152	466,842	0	3,281,570,342	0
28/11/2023	28/11/2023	XK2300055	Dây Curoa (776)	632	152	180,000	0	3,281,750,342	0
...	..	...	...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...		...	...		...	...
21/12/2023	21/12/2023	XK2300060	Máy bẻ đai thép tự động	632	1551	47,810,913	0	3,727,302,744	0
26/12/2023	26/12/2023	XK2300062	Máy bẻ đai thép tự động	632	1551	47,810,913	0	3,775,113,657	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	911	0	3,775,113,657	0	0
			Cộng	632		3,775,113,657	3,775,113,657		
			Số dư cuối kỳ	632				0	0

c. Cách tính giá thành sản xuất

Bước 1: Khai báo nguyên vật liệu sản xuất và thành phẩm sản xuất ra

- Vào danh mục => chọn vật tư hàng hóa => chọn tab vật tư hàng hóa => chọn chức năng thêm
- Khai báo thành phẩm điền đầy đủ thông tin cần khai báo => chọn tính chất thành phẩm

Thông tin chung

Mã (*) AX-10.14 Tên (*) Máy bẻ đai thép tự động

Tính chất (*) Thành phẩm Nhóm VTHH TP

Mô tả

ĐVT chính Cái Công thức tính số lượng...

Thời hạn BH Số lượng tồn tối thiểu 0,000

Nguồn gốc

Diễn giải khi mua Máy bẻ đai thép tự động

Diễn giải khi bán Máy bẻ đai thép tự động

1. Ngâm định 2. Chiết khấu 3. Đơn vị chuyển đổi 4. Định mức nguyên vật liệu 5. Mã quy cách 6. Đặc tính, hình ảnh

Kho ngâm định THANH PHAM Đơn giá mua cố định 0,00

Tài khoản kho 1551 Đơn giá mua gần nhất 0,00

TK doanh thu 51121 Đơn giá bán 0,00

TK chiết khấu 5211 Thuế suất GTGT (%)

TK giảm giá 5213 Thuế suất thuế NK (%) 0,00

TK trả lại 5212 Thuế suất thuế XK (%) 0,00

TK chi phí 632 Nhóm HHDV chịu thuế TTĐB

Tỷ lệ CKMH (%) 0,00

☐ Ngừng theo dõi

Cắt Cắt & Thêm Hủy bỏ

Lưu ý: Khi khai báo thành phẩm, thực hiện khai báo thêm định mức nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất ra thành phẩm bên tab " định mức nguyên vật liệu"

Thông tin chung

Mã (*) AX-10.14 Tên (*) Máy bẻ đai thép tự động

Tính chất (*) Thành phẩm Nhóm VTHH TP

Mô tả

ĐVT chính Cái Công thức tính số lượng...

Thời hạn BH Số lượng tồn tối thiểu 0,000

Nguồn gốc

Diễn giải khi mua Máy bẻ đai thép tự động

Diễn giải khi bán Máy bẻ đai thép tự động

1. Ngầm định 2. Chiết khấu 3. Đơn vị chuyển đổi **4. Định mức nguyên vật liệu** 5. Mã quy cách 6. Đặc tính, hình ảnh

(Định nghĩa định mức các thành phần, nguyên vật liệu để cấu thành thành phẩm)

Mã nguyên vật liệu	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Số lượng
AX.10.T01	Thép tấm 21x118x657	Tấm	1,000
AX.10.T30	Phôi dao dưới sắt 6 (48x38x77)	Tấm	1,000
AX.10.T30.12	Phôi dao dưới sắt 8,10 (48x40x77)	Tấm	2,000
AX.10.T34	Thép tấm 28x36x109	Tấm	5,000
AX.10.T52	Thép tấm 12x145x504	Tấm	7,000
AX.10.T53	Thép tấm 12x15x410	Tấm	2,000
Số dòng = 56			

☐ Ngừng theo dõi Cất Cất & Thêm Hủy bỏ

- Sau khi khai báo xong, nhấn cất

Bước 2: Khai báo đối tượng tập hợp chi phí

- Vào danh mục => chọn đối tượng tập hợp chi phí => chọn chức năng thêm

Thêm Đối tượng tập hợp chi phí

Loại (*) Sản phẩm Chọn thành phẩm (*) AX-10.14

(Loại Sản phẩm áp dụng với DN tính giá thành theo PP giản đơn)

Mã (*) AX-10.14 Tên (*) Máy bẻ đai thép tự động

Diễn giải Máy bẻ đai tự động

Cất Cất & Thêm Hủy bỏ

- Chọn loại đối tượng tập hợp chi phí là sản phẩm => chọn thành phẩm cần tính => phần mềm sẽ tự động cập nhật mã và tên sản phẩm
- Sau đó nhấn cất

Bước 3: Xuất kho nguyên vật liệu để sản xuất

- Vào phân hệ kho => chọn tab lệnh sản xuất => chọn chức năng thêm
- Khai báo diễn giải, ngày lập, số lệnh và tình trạng sản xuất
- Chọn các thành phẩm và nhập số lượng cần sản xuất, hệ thống sẽ tự động tính ra số lượng nguyên vật liệu cần để sản xuất (căn cứ vào thông tin định mức nguyên vật liệu đã thiết lập ở bước 1)
- Sau khi khai báo xong thì ấn cất

- Tiếp theo chọn chức năng lập phiếu xuất trên lên sản xuất
- Tích chọn các thành phẩm cần xuất nguyên vật liệu
- Nhấn đồng ý

Phiếu xuất kho 2. Sản xuất

Thông tin chung

Người nhận: TT008

Bộ phận: Bộ phận sản xuất

Lý do xuất: Xuất kho NVL sản xuất theo Lệnh sản xuất <LSX230006> - 6 Máy AX-10.14

Kèm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu: LSX230006 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán: 09/10/2023

Ngày chứng từ: 09/10/2023

Số chứng từ: XK2300132

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
AX.10.T01	Thép tấm 21x118x657	CHINH	621	152	Tấm	6,000	764.190
AX.10.T30	Phôi dao dưỡi sắt 6 (48x38x77)	CHINH	621	152	Tấm	6,000	157.500
AX.10.T30.12	Phôi dao dưỡi sắt 8,10 (48x40x77)	CHINH	621	152	Tấm	12,000	174.000
AX.10.T34	Thép tấm 28x36x109	CHINH	621	152	Tấm	30,000	27.230
AX.10.T52	Thép tấm 12x145x504	CHINH	621	152	Tấm	42,000	250.920
AX.10.T53	Thép tấm 12x15x410	CHINH	621	152	Tấm	12,000	21.000
AX.10.T54	Thép tấm 18x33x37	CHINH	621	152	Tấm	6,000	9.210
AX.10.T64	Thép tấm 4x304x683	CHINH	621	152	Tấm	24,000	177.620
BIENTANFR100	Biến Tần FR100	CHINH	621	152	Cái	6,000	2.091.460
CAMBIENPR12	Cảm Biến PR12-4DN	CHINH	621	152	Cái	6,000	238.060
CAMBIENPRL12	Cảm Biến tiệm cận PRL12-4DN	CHINH	621	152	Cái	6,000	243.290
CONGTAC	Công Tắc	CHINH	621	152	Cái	6,000	56.150
DAOCAT6.5	Dao cắt 6.5	CHINH	621	152	Cái	12,000	300.000
DAYCUROA776	Dây Curoa (776)	CHINH	621	152	Dây	6,000	180.000
DOMINO1220	Đomino 12B 20A TB20A10B	CHINH	621	152	Cái	6,000	20.120
Số dòng = 56						1.818,000	

- Nhập bổ sung các thông tin còn thiếu cho chứng từ xuất kho

Phiếu xuất kho 2. Sản xuất

Thông tin chung

Người nhận: TT008

Bộ phận: Bộ phận sản xuất

Lý do xuất: Xuất kho NVL sản xuất theo Lệnh sản xuất <LSX230006> - 6 Máy AX-10.14

Kèm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu: LSX230006 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán: 09/10/2023

Ngày chứng từ: 09/10/2023

Số chứng từ: XK2300132

Mã hàng	Tên hàng	Khoản mục CP	Đơn vị	Đối tượng THCP	Công trình	Đơn đặt hàng	Hợp đồng
AX.10.T01	Thép tấm 21x118x657			AX-10.14			
AX.10.T30	Phôi dao dưỡi sắt 6 (48x38x77)			AX-10.14			
AX.10.T30.12	Phôi dao dưỡi sắt 8,10 (48x40x77)			AX-10.14			
AX.10.T34	Thép tấm 28x36x109			AX-10.14			
AX.10.T52	Thép tấm 12x145x504			AX-10.14			
AX.10.T53	Thép tấm 12x15x410			AX-10.14			
AX.10.T54	Thép tấm 18x33x37			AX-10.14			
AX.10.T64	Thép tấm 4x304x683			AX-10.14			
BIENTANFR100	Biến Tần FR100			AX-10.14			
CAMBIENPR12	Cảm Biến PR12-4DN			AX-10.14			
CAMBIENPRL12	Cảm Biến tiệm cận PRL12-4DN			AX-10.14			
CONGTAC	Công Tắc			AX-10.14			
DAOCAT6.5	Dao cắt 6.5			AX-10.14			
DAYCUROA776	Dây Curoa (776)			AX-10.14			
DOMINO1220	Đomino 12B 20A TB20A10B			AX-10.14			
Số dòng = 56							

- Chọn tab thông kê để kiểm tra thông tin " đối tượng THCP " theo thực tế phát sinh
- Sau đó nhấn cắt

Bước 4: Hạch toán chi phí phát sinh

Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung

Diễn giải: Tiền lương phải trả Nhân viên Tháng 12/2023

Hạn thanh toán:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán: 31/12/2023

Ngày chứng từ: 31/12/2023

Số chứng từ: NVK2300119

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng Nợ	Tên đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Tên đối tượng Có
Tiền lương phải trả Nhân viên Tháng 12	622	3341	83.188.075					
Tiền lương phải trả Nhân viên Tháng 12	6421	3341	26.751.539					
Số dòng = 2			109.939.614					

- Vào phân hệ tổng hợp => chọn tab chứng từ nghiệp vụ khác
- Khai báo thông tin
- Sau đó ấn cất

Bước 5: Nhập kho thành phẩm sản xuất

Phiếu nhập kho 1. Thành phẩm sản xuất Nhập số lệnh sản xuất

Thông tin chung

Người giao hàng: TT008 Trần Quốc Minh Thi

Diễn giải: Nhập kho thành phẩm sản xuất từ Lệnh sản xuất <LSX2300007> - 4 Máy AX-10.14

Kèm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu: LSX230006 ...

Chứng từ

Ngày hạch toán: 14/12/2023

Ngày chứng từ: 14/12/2023

Số chứng từ: NK230061

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
AX-10.14	Máy bẻ đai thép tự động	THANHPHAM	1551	154	Cái	4,000	47.810.912.50

- Vào phân hệ kho => chọn tab nhập, xuất kho => chọn chức năng thêm => chọn chức năng nhập kho
- Chọn chứng từ là thành phẩm sản xuất => khai báo đầy đủ thành phẩm được nhập kho

- Khai báo hoặc chọn " đối tượng THCP " theo thực tế phát sinh bên tab thống kê

Phiếu nhập kho 1. Thành phẩm sản xuất Nhập số lệnh sản xuất

Thông tin chung

Người giao hàng TT008 Trần Quốc Minh Thi

Diễn giải Nhập kho thành phẩm sản xuất từ Lệnh sản xuất <LSX2300007> - 4 Máy AX-10.14

Kèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu LSX230006

Chứng từ

Ngày hạch toán 14/12/2023

Ngày chứng từ 14/12/2023

Số chứng từ NK230061

Mã hàng	Tên hàng	Khoản mục CP	Đối tượng THCP	Mã thống kê
AX-10.14	Máy bẻ đai thép tự động		AX-10.14	

- Sau đó nhấn cắt

Bước 6: Xác định kỳ tính giá thành

Giá thành

1. Xác định kỳ tính giá thành

2. Tính giá thành

3. Kết chuyển chi phí

4. Bảng tập hợp chi phí theo...

5. Bảng tập hợp chi phí theo...

Sản xuất liên tục - Giản đơn

Kỳ Tùy chọn Từ 01/10/2023 Đến 31/12/2023 Lấy dữ liệu

Từ ngày Đến ngày Tên Dò dạng đầu kỳ

Kỳ tính giá thành

Thông tin chung

Kỳ Tùy chọn Từ ngày 01/10/2023 Đến ngày 31/12/2023

Tên (*) Kỳ tính giá thành từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023 Lấy dữ liệu

Đối tượng căn tập hợp chi phí

Mã	Tên	Loại
AX-10.11-EXP	Máy bẻ đai thép tự động	Sản phẩm
AX-10.13	Máy bẻ đai thép tự động	Sản phẩm
AX-10.14	Máy bẻ đai thép tự động	Sản phẩm
AX-10.15	Máy bẻ đai thép tự động	Sản phẩm

Số dòng = 4

Chọn... Loại bỏ

Cắt Hủy bỏ

- Vào phân hệ giá thành => chọn tab sản xuất liên tục - giản đơn => chọn chức năng thêm
- Chọn kỳ tính giá thành và nhấn nút lấy dữ liệu, phần mềm sẽ tự động lấy lên những đối tượng THCP phát sinh trong kỳ đã khai báo
- Sau đó ấn cắt

Bước 7: Tính giá thành phẩm

Giá thành

Sản xuất liên tục - Giản đơn

1. Xác định kỳ tính giá thành

2. Tính giá thành

3. Kết chuyển chi phí

4. Bảng tập hợp chi phí

Bàn làm việc

Quỹ

Ngân hàng

Mua hàng

Bán hàng

Hóa đơn điện tử

Quản lý hóa đơn

Kho

Công cụ dụng cụ

Tài sản cố định

Tiền lương

Thuế

Giá thành

Chọn kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/20

Đồng ý

Hủy bỏ

Số đồng = 1

Tổng hợp chi phí

Bảng phân bổ chi phí chung

Bảng tính giá thành

Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP	Loại đối tượng THCP	Đơn vị	Phát sinh
AX-10.11-EXP	Máy bẻ đai thép tự động	Sản phẩm		0
AX-10.13	Máy bẻ đai thép tự động	Sản phẩm		237.493.223
AX-10.14	Máy bẻ đai thép tự động	Sản phẩm		0
AX-10.15	Máy bẻ đai thép tự động	Sản phẩm		0
Số đồng = 4				237.493.223

- Vào phân hệ giá thành => chọn tab sản xuất liên tục - giản đơn => chọn tab tính giá thành (kỳ giá thành được thiết lập ở bước 6)
- Sau đó ấn đồng ý

* Việc tính giá thành theo phương pháp giản đơn sẽ được thực hiện theo 3 bước như sau

Bước 1: Phân bổ chi phí chung

1. Phân bổ chi phí chung

2. Đánh giá dở dang

3. Tính giá thành

Kỳ tính giá thành: Kỳ tính giá thành từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

1. Xác định chi phí phân bổ

Tài khoản	Tên tài khoản	Tổng số tiền	Số chưa phân bổ	% PB lần này	Số phân bổ lần này	Tiểu thức phân bổ	Đối tượng THCP	Chi tiết chứng từ
622	Chi phí nhân công trực tiếp	285.605.562	285.605.562	100,00	285.605.562	Nguyên vật liệu trực t.	AX-10.11-EXP.AX-10.1	Xem
6272	Chi phí vật liệu	3.600.000	3.600.000	100,00	3.600.000	Nguyên vật liệu trực t.	AX-10.11-EXP.AX-10.1	Xem
6273	Chi phí dụng cụ sản xuất	6.787.200	6.787.200	100,00	6.787.200	Nguyên vật liệu trực t.	AX-10.11-EXP.AX-10.1	Xem
6274	Chi phí khấu hao TSCĐ	15.860.715	15.860.715	100,00	15.860.715	Nguyên vật liệu trực t.	AX-10.11-EXP.AX-10.1	Xem
6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.715.487	22.715.487	100,00	22.715.487	Nguyên vật liệu trực t.	AX-10.11-EXP.AX-10.1	Xem
6278	Chi phí bằng tiền khác	84.190.909	84.190.909	100,00	84.190.909	Nguyên vật liệu trực t.	AX-10.11-EXP.AX-10.1	Xem
Số đồng = 6		418.759.873	418.759.873		418.759.873			

2. Kết quả phân bổ

Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP	Loại đối tượng THCP	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
AX-10.11-EXP	Máy bẻ đai thép tự động	Sản phẩm	34,0000000000	97.105.891	34,0000000000	1.224.000	34,0000000000	2.307.648	34,0000
AX-10.13	Máy bẻ đai thép tự động	Sản phẩm	34,0000000000	97.105.891	34,0000000000	1.224.000	34,0000000000	2.307.648	34,0000
AX-10.14	Máy bẻ đai thép tự động	Sản phẩm	34,0000000000	97.105.891	34,0000000000	1.224.000	34,0000000000	2.307.648	34,0000
AX-10.15	Máy bẻ đai thép tự động	Sản phẩm	4,0000001821	11.424.223	4,0000000000	144.000	4,0000000000	271.488	4,0000
Số đồng = 4			100,000001821	285.605.562	100,0000000000	3.600.000	100,0000000000	6.787.200	100,0000

Giúp

Xuất khẩu phân bổ CP

Quay lại

Tiếp theo

Hủy bỏ

Tài khoản 6274		Tài khoản 6277		Tài khoản 6278		Tổng chi phí
Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	
≤	≤	≤	≤	≤	≤	≤
34,0000000000	5.392.643	34,0000000000	7.723.266	34,0000000000	28.624.909	142.378.357
28,0000000000	4.441.000	28,0000000000	6.360.336	28,0000000000	23.573.455	117.252.764
34,0000000000	5.392.643	34,0000000000	7.723.266	34,0000000000	28.624.909	142.378.357
4,0000000000	634.429	4,0000000000	908.619	4,0000000000	3.367.636	16.750.395
100,00000000...	15.860.715	100,0000000000	22.715.487	100,0000000000	84.190.909	418.759.873

Xuất khẩu phân bổ CP Quay lại Tiếp theo Hủy bỏ

- Phân bổ chi phí chung: hệ thống sẽ tổng hợp để hạch toán chi phí lương, chi phí sản xuất chung
- Nhập tỷ lệ phân bổ và lựa chọn tiêu thức phân bổ
- Nhấn phân bổ, hệ thống sẽ tự động phân bổ chi phí theo từng đối tượng tập hợp chi phí trong kỳ tính giá thành

Bước 2: Đánh giá dở dang

1. Phân bổ chi phí chung

2. Đánh giá dở dang

3. Tính giá thành

1. Xác định dở dang

☒ Sản phẩm hoàn thành tương đương

☐ Theo nguyên vật liệu trực tiếp

☐ Theo định mức

Mã thành phẩm	Tên thành phẩm	SL dở dang cuối kỳ	% hoàn thành	Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP
AX-10.11-EXP	Máy bê dai thép tự động	0,000	0,00	AX-10.11-EXP	Máy bê dai thép tự động
AX-10.13	Máy bê dai thép tự động	0,000	0,00	AX-10.13	Máy bê dai thép tự động
AX-10.14	Máy bê dai thép tự động	0,000	0,00	AX-10.14	Máy bê dai thép tự động
AX-10.15	Máy bê dai thép tự động	4,000	20,00	AX-10.15	Máy bê dai thép tự động
Số đóng = 4		4,000			

2. Kết quả chi phí dở dang cuối kỳ

Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP	Tổng chi phí	NVL trực tiếp	NVL gián tiếp	Nhân công trực tiếp	Nhân công gián tiếp	Khấu hao	Chi phí mua ngoài	Chi phí khác
AX-10.11-EXP	Máy bê dai thép tự động	0	0	0	0	0	0	0	0
AX-10.13	Máy bê dai thép tự động	0	0	0	0	0	0	0	0
AX-10.14	Máy bê dai thép tự động	0	0	0	0	0	0	0	0
AX-10.15	Máy bê dai thép tự động	113.597,370	96.846,975	415,488	11.424,223	0	634,429	908,619	3,367,636
Số đóng = 4		113.597,370	96.846,975	415,488	11.424,223	0	634,429	908,619	3,367,636

Đã hoàn thành để ra thành phẩm nên không có dở dang

Bước 3: Tính giá thành

1. Phân bổ chi phí chung 2. Đánh giá dở dang 3. Tính giá thành

Bảng giá thành

Mã thành phẩm	Tên thành phẩm	Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP	Giá thành						
				NVL trực tiếp	NVL gián tiếp	Nhân công trực tiếp	Nhân công gián tiếp	Khấu hao	Chi phí mua ngoài	Chi phí khác
AX-10.11-EXP	Máy bê dai thép tự động	AX-10.11-EXP	Máy bê dai thép tự động	159.741.306	3.531.648	97.105.891	0	5.392.643	7.723.266	28.624.909
AX-10.13	Máy bê dai thép tự động	AX-10.13	Máy bê dai thép tự động	109.518.505	8.427.997	165.123.217	149.333	8.952.492	15.068.352	47.521.091
AX-10.14	Máy bê dai thép tự động	AX-10.14	Máy bê dai thép tự động	144.487.118	3.531.648	97.105.891	0	5.392.643	7.723.266	28.624.909
Số dòng = 3				413.746.929	15.486.293	359.334.999	149.333	19.737.778	30.504.884	104.770.909

Để tính giá vốn của thành phẩm bạn phải cập nhật giá nhập kho và giá xuất kho cho các thành phẩm này.

Cập nhật giá nhập kho Cập nhật giá xuất kho

Giúp Quay lại Cắt Hủy bỏ

Tổng	Số lượng thành phẩm	Giá thành đơn vị
≤ 302.119.663	≤ 6.000	≤ 50.353.277,17
354.745.987	5.000	70.949.197,40
286.865.475	6.000	47.810.912,50
943.731.125	17.000	

Quay lại Cắt Hủy bỏ

- Hệ thống tự động tính ra giá thành cho từng đối tượng THCP
- Sau khi thực hiện tính giá thành xong
 - Cập nhật giá nhập kho, hệ thống sẽ cập nhật giá thành vừa tính được đưa vào chứng từ nhập kho ở bước 5
 - Cập nhật giá xuất kho, hệ thống sẽ tính ra giá cho các thành phẩm khi xuất kho
- Sau đó nhân cắt

Bước 8: Kết chuyển chi phí

The screenshot shows the 'Giá thành' (Cost) module interface. The left sidebar contains various menu items, with 'Giá thành' highlighted. The main window displays the 'Sản xuất liên tục - Giảm đơn' (Continuous Production - Reduction) screen. A red box highlights the '3. Kết chuyển chi phí' (Transfer Costs) option. Another red box highlights the date range selection from '01/10/2023' to '31/12/2023'. A dialog box 'Chọn kỳ tính giá thành' (Select Cost Calculation Period) is open, showing the same date range and 'Đồng ý' (Agree) button.

- Vào phân hệ hía thành => chọn tab sản xuất liên tục - giảm đơn
- Chọn kỳ tính giá thành => chọn chức năng kết chuyển chi phí bên thanh tác nghiệp
- Nhấn đồng ý

Kết chuyển chi phí

Thông tin chung

Kỳ tính giá thành: Kỳ tính giá thành từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Diễn giải: Kết chuyển chi phí sản xuất kỳ tính giá thành từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023.

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán: 31/12/2023

Ngày chứng từ: 31/12/2023

Số chứng từ: KC2300214

1. Hạch toán

Mã đối tượng THCP	Tên đối tượng THCP	Loại đối tượng THCP	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Mã thống kê
AX-10.13	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6274 của đối tượng	154	6274	4.441.000	
AX-10.13	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6277 của đối tượng	154	6277	6.360.336	
AX-10.13	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6278 của đối tượng	154	6278	23.573.456	
AX-10.14	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 621 của đối tượng M	154	621	144.487.118	
AX-10.14	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 622 của đối tượng M	154	622	97.105.891	
AX-10.14	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6272 của đối tượng	154	6272	1.224.000	
AX-10.14	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6273 của đối tượng	154	6273	2.307.648	
AX-10.14	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6274 của đối tượng	154	6274	5.392.643	
AX-10.14	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6277 của đối tượng	154	6277	7.723.266	
AX-10.14	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6278 của đối tượng	154	6278	28.624.909	
AX-10.15	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 621 của đối tượng M	154	621	96.846.976	
AX-10.15	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 622 của đối tượng M	154	622	11.424.223	
AX-10.15	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6272 của đối tượng	154	6272	144.000	
AX-10.15	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6273 của đối tượng	154	6273	271.488	
AX-10.15	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6274 của đối tượng	154	6274	634.429	
AX-10.15	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6277 của đối tượng	154	6277	908.619	
AX-10.15	Máy bê dai thép tự động	Sản phẩm	Kết chuyển chi phí 6278 của đối tượng	154	6278	3.367.636	
Số dòng = 27						819.835.272	

- Hệ thống sẽ tự động tổng hợp chi phí các TK 621, 622, 627 để kết chuyển sang 154
- Kiểm tra chứng từ kết chuyển chi phí
- Sau đó nhấn cắt

2.3.2. Kế toán chi phí bán hàng

a. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu chi
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ liên quan
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 641
 - Sổ chi tiết 6417

b. Tài khoản sử dụng

Chi phí bán hàng của công ty chủ yếu là chi phí về dịch vụ mua ngoài như phí vận chuyển. Công ty sử dụng tài khoản 641: chi phí bán hàng

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Mã CQT: 00C9518DA8C22945DBAA7A99A76A2FB062

Số: **00000559**

Số tài khoản : 2004201054618 tại Ngân Hàng NN&PTNT - Chi nhánh Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

- Trích sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2023							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...							
09/10/2023	09/10/2023	MDV2300037	Vận chuyển	6417	331	2,000,000	0
09/10/2023	09/10/2023	MDV2300037	Vận chuyển	331	6417	0	2,000,000
09/10/2023	09/10/2023	MDV2300037	Thuế GTGT - Vận chuyển	1331	331	160,000	0
09/10/2023	09/10/2023	MDV2300037	Thuế GTGT - Vận chuyển	331	1331	0	160,000
...		...	...		...		
25/11/2023	25/11/2023	MDV2300040	Vận chuyển	6417	331	4,000,000	0
25/11/2023	25/11/2023	MDV2300040	Vận chuyển	331	6417	0	4,000,000
25/11/2023	25/11/2023	MDV2300040	Thuế GTGT - Vận chuyển	1331	331	320,000	0
25/11/2023	25/11/2023	MDV2300040	Thuế GTGT - Vận chuyển	331	1331	0	320,000
...							
29/11/2023	29/11/2023	MDV2300041	Vận chuyển	6417	331	4,000,000	0
29/11/2023	29/11/2023	MDV2300041	Vận chuyển	331	6417	0	4,000,000
29/11/2023	29/11/2023	MDV2300041	Thuế GTGT - Vận chuyển	1331	331	320,000	0
29/11/2023	29/11/2023	MDV2300041	Thuế GTGT - Vận chuyển	331	1331	0	320,000
30/11/2023	30/11/2023	MDV2300042	Vận chuyển	6417	331	2,000,000	0
30/11/2023	30/11/2023	MDV2300042	Vận chuyển	331	6417	0	2,000,000
30/11/2023	30/11/2023	MDV2300042	Thuế GTGT - Vận chuyển	1331	331	160,000	0
30/11/2023	30/11/2023	MDV2300042	Thuế GTGT - Vận chuyển	331	1331	0	160,000
....							
25/12/2023	25/12/2023	MDV2300047	Vận chuyển	6417	331	3,000,000	0
25/12/2023	25/12/2023	MDV2300047	Vận chuyển	331	6417	0	3,000,000
25/12/2023	25/12/2023	MDV2300047	Thuế GTGT - Vận chuyển	1331	331	240,000	0
25/12/2023	25/12/2023	MDV2300047	Thuế GTGT - Vận chuyển	331	1331	0	240,000
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6417	51,661,353	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chi phí bán hàng	6417	911	0	51,661,353
						45,828,209,744	45,828,209,744

- Trích sổ cái 641

Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm

Lê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2023								
Tài khoản:		641 - Chi phí bán hàng					<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
09/10/2023	MDV2300037	09/10/2023	Phí vận chuyển máy đi Nghệ An (Cty Vinh Thanh)			331	2,000,000	
14/10/2023	MDV2300038	14/10/2023	Phí vận chuyển máy đi Nghệ An (Cty Hưng Hải)			331	3,000,000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
04/11/2023	MDV2300039	04/11/2023	Phí vận chuyển máy đi Hải Duong (Cty Tú Nhật)			331	4,000,000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
29/11/2023	MDV2300041	29/11/2023	Phí vận chuyển máy đi Quảng Ninh (Cty Phương Lâm)			331	4,000,000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/12/2023	MDV2300043	21/12/2023	Phí vận chuyển máy đi Hà Nội (Cty Thăng Long)			331	3,000,000	
25/12/2023	MDV2300047	25/12/2023	Phí vận chuyển máy đi Hà Nội (Cty Như Quyên)			331	3,000,000	
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			911		170,841,401
			- Cộng số phát sinh				170,841,401	170,841,401
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				170,841,401	170,841,401

- Trích sổ chi tiết 6417

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 6417; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
...	...						...	...	...
09/10/2023	09/10/2023	MDV2300037	Vận chuyển	6417	331	2,000,000	0	120,897,295	0
14/10/2023	14/10/2023	MDV2300038	Vận chuyển	6417	331	3,000,000	0	123,897,295	0
04/11/2023	04/11/2023	MDV2300039	Vận chuyển	6417	331	4,000,000	0	127,897,295	0
25/11/2023	25/11/2023	MDV2300040	Vận chuyển	6417	331	4,000,000	0	131,897,295	0
29/11/2023	29/11/2023	MDV2300041	Vận chuyển	6417	331	4,000,000	0	135,897,295	0
	...							...	...
13/12/2023	13/12/2023	MDV2300053	Phí bán hàng xuất khẩu	6417	331	870,863	0	138,768,158	0
21/12/2023	21/12/2023	MDV2300043	Vận chuyển	6417	331	3,000,000	0	141,768,158	0
25/12/2023	25/12/2023	MDV2300047	Vận chuyển	6417	331	3,000,000	0	144,768,158	0
28/12/2023	28/12/2023	MDV2300049	Phí bán hàng xuất khẩu	6417	331	17,084,115	0	161,852,273	0
28/12/2023	28/12/2023	MDV2300050	Phí bán hàng xuất khẩu	6417	331	8,706,375	0	170,558,648	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300183	Kết chuyển chi phí bán hàng	6417	911	0	170,558,648	0	0
			Cộng	6417		170,558,648	170,558,648		
			Số dư cuối kỳ	6417				0	0

2.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu chi
 - Các chứng từ liên quan
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 642
 - Sổ cái 6421, 6425, 6427

b. Tài khoản sử dụng

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty chủ yếu là chi phí về trả lương, thuế, phí và lệ phí, chi phí mua ngoài.

Công ty sử dụng tài khoản 642: chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý

Ngày 31 tháng 12 năm 2023, trả tiền lương cho cán bộ nhân viên tháng 12 năm 2023

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
THÁNG 12/2023**

Stt	Họ và tên	Mã số NV	Chức vụ	Mức lương công việc	Mức lương hiệu quả	Giờ công BT	Giờ công TC	Thành tiền	Phụ cấp	Tổng thu nhập	Thu nhập chịu thuế TNCN
I/	Bộ phận sản xuất			52,240,000	16,000,000	2,496	0	68,240,000	14,948,075	83,188,075	74,124,614
1	Trần Quốc Minh Th	TT008	NV Cơ kh	5,270,000	2,000,000	208	0	7,270,000	1,730,000	9,000,000	7,770,000
2	Trần Thanh Việt	TV016	NV Cơ kh	4,270,000	1,500,000	208	0	5,770,000	1,230,000	7,000,000	6,270,000
3	Nguyễn Hải Triều	NT026	NV Cơ kh	4,270,000	1,500,000	208	0	5,770,000	1,182,692	6,952,692	6,250,769
4	Nguyễn Khánh Trìn	NT025	NV Cơ kh	4,270,000	1,500,000	208	0	5,770,000	1,201,923	6,971,923	6,270,000
5	Nguyễn Văn Mạnh	NM028	NV Cơ kh	4,270,000	1,500,000	208	0	5,770,000	1,182,692	6,952,692	6,250,769
6	Nguyễn Thanh Lam	NL020	KT điện	4,270,000	1,500,000	208	0	5,770,000	1,230,000	7,000,000	6,270,000
7	Nguyễn Đức Minh	NM021	KT điện	4,270,000	1,500,000	208	0	5,770,000	1,182,692	6,952,692	6,250,769
8	Nguyễn Văn Mỹ	NM022	KT điện	4,270,000	1,500,000	208	0	5,770,000	1,182,692	6,952,692	6,250,769
9	Nguyễn Văn Hào	NH032	NV Cơ kh	4,270,000	1,000,000	208	0	5,270,000	1,182,692	6,452,692	5,750,769
10	Nguyễn Việt Hưng	NH035	NV Cơ kh	4,270,000	1,000,000	208	0	5,270,000	1,182,692	6,452,692	5,750,769
11	Mai Huy Hoàng	MH038	NV Cơ kh	4,270,000	500,000	208	0	4,770,000	1,230,000	6,000,000	5,270,000
12	Huỳnh Văn Tinh	HT037	KT điện	4,270,000	1,000,000	208	0	5,270,000	1,230,000	6,500,000	5,770,000
II/	Bộ phận quản lý			19,080,000	6,500,000	672	0	21,526,154	5,225,385	26,751,539	23,949,231
13	Lê Tân Minh	LM001	Giám Đốc	5,270,000	4,000,000	208	0	9,270,000	2,144,231	11,414,231	10,712,308
14	Lê Thị Thanh Vân	LV003	KTT	4,270,000	2,000,000	208	0	6,270,000	1,730,000	8,000,000	6,770,000
15	Nguyễn Hà Vi	NV014	Kế toán	5,270,000	0	48	0	1,216,154	168,462	1,384,616	1,216,154
17	Ngô Thị Hoàng An	NA019	Kế toán	4,270,000	500,000	208	0	4,770,000	1,182,692	5,952,692	5,250,769
	CỘNG			71,320,000	22,500,000	3,168	0	89,766,154	20,173,460	109,939,614	98,073,845

Các khoản trích vào CP của DN				Các khoản trích trừ vào lương của NV				Giảm trừ		Thu nhập tính thuế	Thế TN CN	Tạm ứng	Thực lĩnh
BHXH	BHYT	BHTN	Cộng	BHXH	BHYT	BHTN	Cộng	Bản thân	Người PT				
17.5%	3%	1%	21.0%	8%	1.5%	1%	10.5%						
9,142,000	1,567,200	522,400	11,231,600	4,179,200	783,600	522,400	5,485,200	132,000,000	0	0	0	0	77,702,875
922,250	158,100	52,700	1,133,050	421,600	79,050	52,700	553,350	11,000,000		0	0		8,446,650
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000		0	0		6,551,650
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000		0	0		6,504,342
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000		0	0		6,523,573
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000		0	0		6,504,342
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000		0	0		6,551,650
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000		0	0		6,504,342
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000		0	0		6,504,342
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000		0	0		6,004,342
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000		0	0		6,004,342
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000					5,551,650
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000		0	0		6,051,650
3,339,000	572,400	190,800	4,102,200	1,526,400	286,200	190,800	2,003,400	44,000,000	17,600,000	0	0	0	24,748,139
922,250	158,100	52,700	1,133,050	421,600	79,050	52,700	553,350	11,000,000	8,800,000	0	0		10,860,881
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000	8,800,000	0	0		7,551,650
922,250	158,100	52,700	1,133,050	421,600	79,050	52,700	553,350	11,000,000		0	0		831,266
747,250	128,100	42,700	918,050	341,600	64,050	42,700	448,350	11,000,000		0	0		5,504,342
12,481,000	2,139,600	713,200	15,333,800	5,705,600	1,069,800	713,200	7,488,600	176,000,000	17,600,000	0	0	0	102,451,014

Căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương tháng 12 năm 2023, kế toán tiến hành hạch toán lên phần mềm Misa

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Misa

Bước 2: Vào phân hệ tiền lương => chọn tab hạch toán chi phí lương => nhấn thêm => chọn bảng lương hạch toán chi phí (ví dụ này chọn bảng lương 12/2023) => nhấn đồng ý hệ thống sẽ tự động hạch toán vào chi phí lương dựa vào bảng lương đã chọn

Bước 3: Cất

Sau khi đã hoàn thành nhập dữ liệu và cất, thì dữ liệu sẽ cập nhật lên các sổ như sau: sổ nhật ký chung sổ cái 642, sổ chi tiết 6421 và sau đó kế toán kết xuất dữ liệu trên phần mềm ra các sổ như sau

- Trích sổ chi tiết 6421

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 6421; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
...	...			...					
31/10/2023	31/10/2023	NVK2300112	BHXX tính đưa vào chi phí DN Tháng 10.2023	6421	3383	3,339,000	0	332,618,180	0
31/10/2023	31/10/2023	NVK2300112	BHXX tính đưa vào chi phí DN Tháng 10.2023	6421	3384	572,400	0	333,190,580	0
31/10/2023	31/10/2023	NVK2300112	BHXX tính đưa vào chi phí DN Tháng 10.2023	6421	3386	190,800	0	333,381,380	0
...					...		...	...	...
31/10/2023	31/10/2023	NVK2300113	Tiền lương phải trả Nhân viên Tháng 10/2023	6421	3341	28,405,384	0	361,786,764	0
30/11/2023	30/11/2023	NVK2300115	BHXX tính đưa vào chi phí DN Tháng 11.2023	6421	3383	2,416,750	0	364,203,514	0
30/11/2023	30/11/2023	NVK2300115	BHXX tính đưa vào chi phí DN Tháng 11.2023	6421	3384	572,400	0	364,775,914	0
30/11/2023	30/11/2023	NVK2300115	BHXX tính đưa vào chi phí DN Tháng 11.2023	6421	3386	138,100	0	364,914,014	0
30/11/2023	30/11/2023	NVK2300116	Tiền lương phải trả Nhân viên Tháng 11/2023	6421	3341	33,310,769	0	398,224,783	0
...									...
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300118	BHXX tính đưa vào chi phí DN Tháng 12.2023	6421	3383	3,339,000	0	401,563,783	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300118	BHXX tính đưa vào chi phí DN Tháng 12.2023	6421	3384	572,400	0	402,136,183	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300118	BHXX tính đưa vào chi phí DN Tháng 12.2023	6421	3386	190,800	0	402,326,983	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300119	Tiền lương phải trả Nhân viên Tháng 12/2023	6421	3341	26,751,539	0	429,078,522	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	911	0	429,078,522	0	0
			Cộng	6421		429,078,522	429,078,522		
			Số dư cuối kỳ	6421				0	0

- Ngày 27 tháng 10 năm 2023 công ty đã thanh toán phí duy trì và quản lý tài khoản
USD

Quy trình nhập dữ liệu vào phần mềm

Bước 2: Vào phân hệ ngân hàng => chọn tab chi tiền => chọn phương thức thanh toán là ủy nhiệm chi => chọn ngày hạch toán => điền đầy đủ chung thông tin chung vào

Sau khi cất thì dữ liệu sẽ tự động cập nhật lên các sổ như: sổ nhật ký chung, sổ cái 642, sổ chi tiết 6425, sau đó kế toán kết xuất dữ liệu trên phần mềm các sổ như sau

- Trích sổ chi tiết 6425

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 6425; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
27/10/2023	27/10/2023	UNC2300062	Phí duy trì và quản lý TK USD Tháng 10/2023	6425	1122	76,271	0	3,806,377	0
27/10/2023	27/10/2023	UNC2300062	Xử lý chênh lệch tỷ giá	6425	515	5,322	0	3,811,699	0
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
29/11/2023	29/11/2023	UNC2300067	Phí duy trì và quản lý TK USD Tháng 11/2023	6425	1122	76,271	0	3,887,970	0
29/11/2023	29/11/2023	UNC2300067	Xử lý chênh lệch tỷ giá	6425	515	4,299	0	3,892,269	0
...	...			...					
27/12/2023	27/12/2023	UNC2300071	Phí duy trì và quản lý TK USD Tháng 12/2023	6425	1122	76,271	0	5,193,757	0
27/12/2023	27/12/2023	UNC2300071	Xử lý chênh lệch tỷ giá	6425	515	4,546	0	5,198,303	0
...								...	
29/12/2023	29/12/2023	UNC2300075	Phí chuyển tiền HDong ZC231227 Mua thép SKD (chuyển 4.940 \$)	6425	1122	508,472	0	6,257,170	0
29/12/2023	29/12/2023	UNC2300075	Xử lý chênh lệch tỷ giá	6425	515	26,128	0	6,283,298	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6425	911	0	6,283,298	0	0
			Cộng	6425		6,283,298	6,283,298		0
			Số dư cuối kỳ	6425				0	0

- Ngày 01 tháng 10 năm 2023 công ty đã thanh toán cước internet cho tháng 09 năm 2023 theo số hóa đơn 1202581

88

- Trích chứng từ mua dịch vụ

Chứng từ mua dịch vụ

☐ Chưa thanh toán

☒ Thanh toán ngay

Tiền mặt

Nhận kèm hóa đơn☐

Là chi phí mua hàng☐

ĐÃ NHẬN HÓA ĐƠN

Phiếu chi

Thông tin chung

Nhà cung cấpVNPTTrung Tâm KD VNPT - Đà Nẵng - CN Tổng công Ty DV Viễn Thông

Người nhận

Địa chỉ50 Nguyễn Du - Q.Hải Châu - TP Đà Nẵng

Lý do chiCuộc Internet Tháng 9/2023

NV mua hàngNV mua hàngKèm theo chứng từ gốc

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán01/10/2023

Ngày chứng từ01/10/2023

Số chứng từPC00068

1. Hạch toán

2. Thuế

3. Thống kê

Loại tiềnVND

Tỷ giá1,00

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	TK chi phí/TK kho	TK tiền	Đối tượng	Tên đối tượng	ĐVT	Số lượng
INTERNET	Phí Internet	6427	1111	VNPT	Trung Tâm KD VNPT - Đà		1,
Số dòng = 1							1,

Phân bổ chiết khấu...

Xem công nợ

Tiền dịch vụ250.000

Tiền thuế GTGT25.000

Tiền chiết khấu0

Tổng tiền thanh toán275.000

Căn cứ vào số hóa đơn GTGT 1202581, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm như sau

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm

Bước 2: Chọn phân hệ mua hàng => chọn tab chứng từ mua dịch vụ => chọn chưa thanh toán => chọn nhận kèm hóa đơn => chọn ngày hạch toán => nhập thông tin chi tiết của khách hàng

Bước 3: Cát

Sau khi đã nhập liệu hoàn thành dữ liệu sẽ tự cập nhật lên các sổ và các chứng từ có liên quan

Mẫu số 02 - TT				
Công ty Cổ Phần chế tạo máy TMT	(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)			
Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, Quận	Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam				
PHIẾU CHI				
Ngày 01 tháng 10 năm 2023	Quyển số:			
	Số: PC00068			
	Nợ: 6427, 1331			
	Có: 1111			
Họ và tên người nhận tiền: Trung Tâm KD VNPT - Đà Nẵng - CN Tổng công Ty DV Viễn Thông				
Địa chỉ: 50 Nguyễn Du - Q.Hải Châu - TP Đà Nẵng				
Lý do chi: Cước Internet Tháng 9/2023				
Số tiền: 275.000 VND				
Viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn.				
Kèm theo: chứng từ gốc				
Ngày.....tháng.....năm.....				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

- Trích sổ chi tiết 6427

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Tài khoản: 6427; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
...	...			...	...	...	...	...	...
01/10/2023	01/10/2023	PC00068	Phí Internet	6427	1111	250,000	0	63,539,806	0
01/10/2023	01/10/2023	PC00069	Điện Thoại	6427	1111	584,512	0	64,124,318	0
...	...								...
16/10/2023	16/10/2023	PC00072	Phí vệ sinh	6427	1111	481,818	0	65,794,980	0
01/11/2023	01/11/2023	MDV2300045	Tiền điện (VP -20%)	6427	331	3,017,864	0	69,680,456	0
01/11/2023	01/11/2023	PC00073	Điện Thoại	6427	1111	652,316	0	70,332,772	0
02/11/2023	02/11/2023	PC00074	Phí Internet	6427	1111	250,000	0	70,582,772	0
06/11/2023	06/11/2023	PC00075	Điện Thoại	6427	1111	454,545	0	71,037,317	0
15/11/2023	15/11/2023	PC00077	Phí vệ sinh	6427	1111	481,818	0	72,212,060	0
...	...								
02/12/2023	02/12/2023	MDV2300046	Tiền điện (VP -20%)	6427	331	2,661,007	0	75,740,679	0
02/12/2023	02/12/2023	PC00078	Phí Internet	6427	1111	250,000	0	75,990,679	0
02/12/2023	02/12/2023	PC00079	Điện Thoại	6427	1111	612,856	0	76,603,535	0
05/12/2023	05/12/2023	PC00080	Điện Thoại	6427	1111	454,545	0	77,058,080	0
05/12/2023	05/12/2023	PC00080	Điện Thoại	6427	1111	249,374	0	77,307,454	0
05/12/2023	05/12/2023	PC00080	Điện Thoại	6427	1111	208,182	0	77,515,636	0
05/12/2023	05/12/2023	PC00080	Điện Thoại	6427	1111	195,455	0	77,711,091	0
...	...								...
11/12/2023	11/12/2023	PC00083	Phí vệ sinh	6427	1111	481,818	0	78,192,909	0
19/12/2023	19/12/2023	MDV2300052	Phí vệ sinh	6427	331	2,000,000	0	80,192,909	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300183	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6427	911	0	81,060,521	0	867,612
31/12/2023	31/12/2023	PBPTT230012	Phân bổ chi phí trả trước tháng 12 năm 2023	6427	2421	867,612	0	0	0
			Cộng	6427		81,060,521	81,060,521		
			Số dư cuối kỳ	6427				0	0

- Trích sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2023							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
...	...						
01/10/2023	01/10/2023	PC00068	Phí Internet	6427	1111	250,000	0
01/10/2023	01/10/2023	PC00068	Phí Internet	1111	6427	0	250,000
01/10/2023	01/10/2023	PC00068	Thuế GTGT - Phí Internet	1331	1111	25,000	0
01/10/2023	01/10/2023	PC00068	Thuế GTGT - Phí Internet	1111	1331	0	25,000
...							
27/10/2023	27/10/2023	UNC2300062	Phí duy trì và quản lý TK USD Tháng 10/2023	6425	1122	76,271	0
27/10/2023	27/10/2023	UNC2300062	Phí duy trì và quản lý TK USD Tháng 10/2023	1122	6425	0	76,271
01/11/2023	01/11/2023	PC00073	Điện Thoại	6427	1111	652,316	0
01/11/2023	01/11/2023	PC00073	Điện Thoại	1111	6427	0	652,316
01/11/2023	01/11/2023	PC00073	Thuế GTGT - Điện Thoại	1331	1111	65,232	0
01/11/2023	01/11/2023	PC00073	Thuế GTGT - Điện Thoại	1111	1331	0	65,232
...	...	...	...	...			
30/11/2023	30/11/2023	NVK2300116	Tiền lương phải trả Nhân viên Tháng 11/2023	6421	3341	33,310,769	0
30/11/2023	30/11/2023	NVK2300116	Tiền lương phải trả Nhân viên Tháng 11/2023	3341	6421	0	33,310,769
27/12/2023	27/12/2023	UNC2300071	Phí duy trì và quản lý TK USD Tháng 12/2023	6425	1122	76,271	0
27/12/2023	27/12/2023	UNC2300071	Phí duy trì và quản lý TK USD Tháng 12/2023	1122	6425	0	76,271
27/12/2023	27/12/2023	UNC2300071	Xử lý chênh lệch tỷ giá	6425	515	4,546	0
27/12/2023	27/12/2023	UNC2300071	Xử lý chênh lệch tỷ giá	515	6425	0	4,546
...						...	...
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300119	Tiền lương phải trả Nhân viên Tháng 12/2023	6421	3341	26,751,539	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300119	Tiền lương phải trả Nhân viên Tháng 12/2023	3341	6421	0	26,751,539
...	...	...			...	...	...
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6421	99,799,342	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	911	0	99,799,342
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6425	2,553,192	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6425	911	0	2,553,192
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6427	17,770,715	0
31/12/2023	31/12/2023	NVK2300182	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6427	911	0	17,770,715
						45,828,209,744	45,828,209,744

- Trích sổ cái 642

Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm

Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính:

VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
01/10/2023	PC00068	01/10/2023	Cước Internet Tháng 9/2023			1111	250,000	
16/10/2023	PC00072	16/10/2023	Phí vệ sinh Tháng 10/2023			1111	481,818	
....								
27/10/2023	UNC2300062	27/10/2023	Phí duy trì và quản lý TK USD Tháng 10/2023			1122	76,271	
....								
31/12/2023	NVK2300118	31/12/2023	BHXX tính đưa vào chi phí DN Tháng 12.2023			3383	3,339,000	
31/12/2023	NVK2300118	31/12/2023	BHXX tính đưa vào chi phí DN Tháng 12.2023			3384	572,400	
31/12/2023	NVK2300118	31/12/2023	BHXX tính đưa vào chi phí DN Tháng 12.2023			3386	190,800	
31/12/2023	NVK2300119	31/12/2023	Tiền lương phải trả Nhân viên Tháng 12/2023			3341	26,751,539	
31/12/2023	NVK2300183	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			911		615,524,922
			- Cộng số phát sinh				615,524,922	615,524,922
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				615,524,922	615,524,922

2.3.4. Kế toán chi phí tài chính tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Công ty không phát sinh tài khoản 635: chi phí tài chính

2.3.5. Kế toán chi phí khác tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Công ty không phát sinh tài khoản 811: chi phí khác

2.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

a. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Tờ khai quyết toán thuế TNDN
 - Phụ lục 03 - 1A
 - Phụ lục 03 - 2/TNDN
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái 821
 - Sổ chi tiết 8211

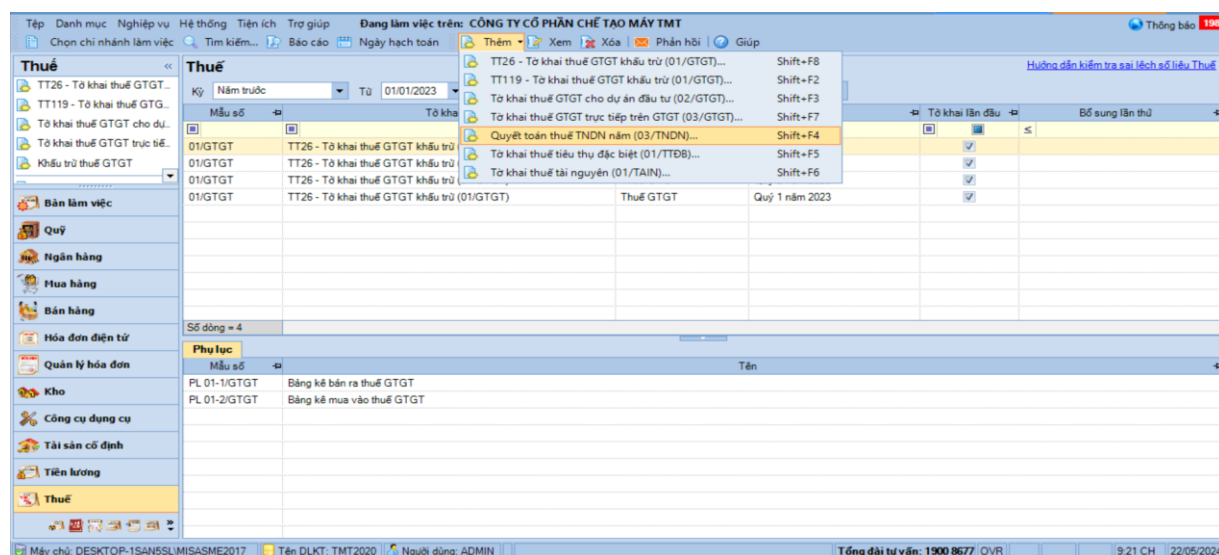
b. Tài khoản sử dụng

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, đánh vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp, gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

Tài khoản 821: phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Trình tự quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ

Lập tờ khai trên phần mềm Misa vào phân hệ thuế => chọn thêm => quyết toán thuế TNDN năm (03/TNDN)



Sau khi kiểm tra các số liệu trên tờ khai, kế toán nhấn in => nhấn chọn xuất khẩu XML để nộp báo cáo hoặc NK vào HTKK => lưu vào file

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 131/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023 từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

[02] Lần đầu ☒ [03] Bổ sung lần thứ ☐

☐ Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

☐ Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

☐ Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: [05] Tỷ lệ (%): 0,00%

[06] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ Phần chế tạo máy TMT

[07] Mã số thuế: 0 4 0 1 7 7 1 5 9 2

[08] Địa chỉ: Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

[09] Quận/huyện: [10] Tỉnh/thành phố: [11] Điện thoại: 0917340369 [12] Fax: [13] Email: tmt.machinery@gmail.com

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	29.887.983

Tờ khai lên HTKK

Kế toán vào phần mềm HTKK => chọn mục thuế thu nhập doanh nghiệp => chọn tờ khai Quyết toán thuế TNDN (03/TNDN)(TT80/2021) => chọn thời gian => nhập từ XML => nhấn chọn file đã lưu tờ khai trên Misa tải về

Hỗ trợ kê khai thuế - Phiên bản 5.1.8

HỖ TRỢ KÊ KHAI THUẾ

Đăng nhập vào hệ thống

TỔNG CỤC THUẾ

Mã số thuế: [v]

Xóa Mã số mới Đồng ý Thoát

Phiên bản

Bản quyền thuộc Tổng cục Thuế Việt Nam
Địa chỉ: 123 Lê Đức - Hà Nội, Website: <http://www.gdt.gov.vn>
Phần mềm cung cấp miễn phí cho người nộp thuế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023 Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số:
03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: C28 - Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT

[07] Mã số thuế: 0401771592

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	29.887.983
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0

1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	29.887.983
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	29.887.983
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	29.887.983
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	29.887.983
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	29.887.983
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0

6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi($C9 = (C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh($C17 = C9 - C10 - C14 - C15 - C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3 = D1 - D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5 = D3 - D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8 = D6 - D7$)	D8	0

E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	<i>Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>	E3	0
2.2	<i>Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ</i>	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	<i>Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	<i>Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh</i>		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	<i>Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS</i>		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 07 tháng 03 năm 2024

**NHÂN VIÊN ĐẠI
LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành
nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT

[03] Mã số thuế: 0401771592

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	4.746.360.136
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	1.046.040.000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	249.335.609
a	Chiết khấu thương mại	[07]	249.335.609
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	94.343.436
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	1.074.601
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	4.561.479.980
a	Giá vốn hàng bán	[13]	3.775.113.657
b	Chi phí bán hàng	[14]	170.841.401
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	615.524.922
5	Chi phí tài chính	[16]	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	29.887.983
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	0
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	0
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	29.887.983

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 07 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI
LÝ THUẾ
Họ và tên:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ.

PHỤ LỤC
CHUYỂN LỖ

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT

[03] Mã số thuế: 0401771592

Mẫu số: 03-
2/TNDN
(Ban hành kèm
theo Thông tư
số 80/2021/TT-
BTC ngày 29
tháng 9 năm
2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài
chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh được chuyển trong kỳ				
1	2018	520.303.366	0	29.887.983	490.415.383
2	2019	572.791.387	0	0	572.791.387
3	2020	0	0	0	0
4	2021	0	0	0	0
5	2022	0	0	0	0
	Tổng cộng			29.887.983	
II	Lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển trong kỳ				
1	2018	0	0	0	0
2	2019	0	0	0	0
3	2020	0	0	0	0
4	2021	0	0	0	0
5	2022	0	0	0	0
	Tổng cộng			0	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 07 tháng 03 năm 2024

**NHÂN VIÊN ĐẠI
LÝ THUẾ**
Họ và tên:

Chứng chỉ hành
nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)

- Trích sổ cái 821

Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm

Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đơn vị tính:

VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
27/06/2023	NVK2300078	27/06/2023	Giảm CP tính thuế TNDN đối với HD 2210(26/11/2022) do Cty Hoàng Phát Việt có dấu hiệu rủi ro cao (TB Chi cục thuế CL ngày 26/6/2023			6428	5,130,000	
27/06/2023	NVK2300165	27/06/2023	Giảm CP thuế GTGT đối với HD 2210(26/11/2022) do Cty Hoàng Phát Việt có dấu hiệu rủi ro cao (TB Chi cục thuế CL ngày 26/6/2023			1331	513,000	
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			911		5,643,000
			- Cộng số phát sinh				5,643,000	5,643,000
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				5,643,000	5,643,000

- Trích sổ chi tiết 8211

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: VND; Năm 2023									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
27/06/2023	27/06/2023	NVK2300078	Giảm CP tính thuế TNDN đối với HD 2210(26/11/2022) do Cty Hoàng Phát Việt có dấu hiệu rủi ro cao (TB Chi cục thuế CL ngày 26/6/2023	8211	6428	5,130,000	0	5,130,000	0
27/06/2023	27/06/2023	NVK2300165	Giảm CP thuế GTGT đối với HD 2210(26/11/2022) do Cty Hoàng Phát Việt có dấu hiệu rủi ro cao (TB Chi cục thuế CL ngày 26/6/2023	8211	1331	513,000	0	5,643,000	0
30/06/2023	30/06/2023	NVK2300180	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211	911	0	5,643,000	0	0
			Cộng	8211		5,643,000	5,643,000		
			Số dư cuối kỳ	8211				0	0

2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

- Cuối quý, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản doanh thu và chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

SỔ CÁI

Năm 2023

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị
tính:
VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			4212		46,746,380
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			51121		1,025,813,636
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			51122		525,696,000
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			515		609,460
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			632	1,339,752,245	
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			6413	282,753	
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			6417	71,397,295	
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			6421	136,556,731	
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			6423	5,271,213	
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			6424	1,344,696	
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			6425	3,256,194	
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			6427	19,956,622	
31/03/2023	NVK2300179	31/03/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/03/2023			6428	21,047,727	
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			4212		140,251,774
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			51111		22,160,136
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			51121		688,684,090
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			515		221,334
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			632	672,659,529	
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			6417	19,000,000	
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			6421	106,586,140	

30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			6423	4,482,201	
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			6424	896,485	
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			6425	234,026	
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			6427	25,898,226	
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			6428	15,917,727	
30/06/2023	NVK2300180	30/06/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2023			8211	5,643,000	
30/09/2023	NVK2300181	30/09/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/09/2023			4212		94,458,340
30/09/2023	NVK2300181	30/09/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/09/2023			51121		854,962,962
30/09/2023	NVK2300181	30/09/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/09/2023			515		243,807
30/09/2023	NVK2300181	30/09/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/09/2023			632	792,300,167	
30/09/2023	NVK2300181	30/09/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/09/2023			6417	28,500,000	
30/09/2023	NVK2300181	30/09/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/09/2023			6421	86,136,309	
30/09/2023	NVK2300181	30/09/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/09/2023			6423	4,006,062	
30/09/2023	NVK2300181	30/09/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/09/2023			6425	239,886	
30/09/2023	NVK2300181	30/09/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/09/2023			6427	17,434,958	
30/09/2023	NVK2300181	30/09/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/09/2023			6428	21,047,727	
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			4212	305,701,477	
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			51111		19,660,000
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			51121		839,703,703
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			51122		520,344,000
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			515		93,268,835
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			632	970,401,716	
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			6417	51,661,353	
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			6421	99,799,342	
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			6423	4,041,016	
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			6425	2,553,192	
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			6427	17,770,715	
31/12/2023	NVK2300182	31/12/2023	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2023			6428	21,047,727	
			- Cộng số phát sinh				4,872,824,457	4,872,824,457
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				4,872,824,457	4,872,824,457

- Trích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Đường số 8 Khu Công nghiệp Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm

Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	4,746,360,136	4,671,488,458
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	249,335,609	88,475,556
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4,497,024,527	4,583,012,902
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	3,775,113,657	3,668,489,058
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		721,910,870	914,523,844
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	94,343,436	38,850,870
7. Chi phí tài chính	22	VII.5		35,289
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	170,841,401	208,253,442
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	615,524,922	695,813,091
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		29,887,983	49,272,892
11. Thu nhập khác	31	VII.6		
12. Chi phí khác	32	VII.7		96,193
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			(96,193)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29,887,983	49,176,699
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	5,643,000	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		24,244,983	49,176,699
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Ghi chú: (*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY TMT

3.1. Đánh giá thực trạng kế toán tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Trong quá trình đi thực tập em đã được có điều kiện tiếp cận kiến thức mang tính thực tế tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT nói chung phong Kế toán nói riêng, ở đây em được dịp trau dồi thêm kiến thức và những điều học ở nhà trường và thực tế hoạt động kế toán tại doanh nghiệp. Thời gian thực tập tại công ty rất quý báu và hết sức cần thiết cho sinh viên vừa sắp ra trường như tụi em. Em nhận thấy công tác kế toán tại công ty đã tuân thủ theo đúng chế độ kế toán của nhà nước và phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty. Phòng kế toán được vận hành theo một hệ thống có trật tự và mọi kế toán làm trên tinh thành đoàn kết. Các chứng từ từ, sổ sách kế toán được lập đầy đủ và hợp lý, việc ghi chép sổ sách đầy đủ và chính xác dựa trên các nghiệp vụ phát sinh và chữ từ đầy đủ thông tin chữ ký và tuân thủ theo chế độ kế toán của nhà nước.

Trong suốt thời gian hoạt động vừa qua Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT phát triển về quản lí doanh nghiệp cũng như công tác kế toán. Luôn có xu hướng tìm tòi phát triển khẳng định vị trên nền sáng tạo sản xuất hàng hóa để thủ đẩy những sản phẩm cải tiến lưu thông ra thị trường trong nước và nước ngoài.

3.1.1. Ưu điểm

Công tác kế toán của công ty tổ chức linh hoạt, vừa đơn giản, vừa đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty trong công tác kế toán.

- **Về đội ngũ nhân viên:**
 - Nhân viên có trình độ chuyên môn cao và biết sử dụng thao tác thành thạo hệ thống máy vi tính, excel và phần mềm hỗ trợ cho công tác kế toán.
 - Nhân viên kế toán năng động, nhiệt tình và luôn hoàn thành tốt công việc được giao.
- **Sổ sách chứng từ:**
 - Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ được lập ra đúng theo chế độ kế toán quy định. Các chứng từ sử dụng phải phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý.
 - Sổ sách kế toán ghi chép rõ ràng, cẩn thận phân loại đúng theo những khách hàng và trình tự phát sinh nghiệp vụ để dễ theo dõi.

- Lưu trữ chứng từ và các chứng từ khác liên quan thực hiện in nhấn đầy đủ cuối tháng sắp xếp phân loại các chứng từ và đóng thành tập để lưu trữ tại văn phòng kế toán và tiện cho việc theo dõi và đối chiếu.

- **Về chính sách công ty:** công ty có chính sách thưởng, nghỉ lễ, Tết,... hàng năm cho nhân viên. Việc làm này kích thích tinh thần làm việc hăng hái, nhiệt huyết, tạo tình thân đoàn kết, hòa đồng để đạt hiệu quả cao trong công việc.
- **Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**
 - **Về kế toán doanh thu:** mọi nghiệp vụ phát sinh về bán hàng cung cấp kịp thời đầy đủ thông tin cần thiết để phục vụ cho việc theo dõi doanh thu bán hàng và công nợ của từng khách hàng. Giúp giám đốc nắm rõ tình hình doanh thu của công ty để có hướng phát triển kinh doanh công ty trong thời gian tiếp theo.
 - **Về kế toán chi phí:** chi phí là vấn đề cần quan tâm và luôn tìm cách quản lý để tránh lãng phí
 - **Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh:** công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty nhằm đáp ứng nhu cầu của ban lãnh đạo về việc cung cấp thông tin kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên về tình hình doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh của công ty thì cũng còn có những hạn chế

- **Tổ chức bộ máy kế toán của công ty:** mô hình hoạt động công ty khá nhiều, nhân viên kế toán lại thiếu nên một số nhân viên kế toán đảm nhiệm nhiều phần hành kế toán khác nhau. Điều này khiến nhân viên chịu áp lực có thể xảy sai rủi ro sai sót trong quá trình đối chiếu, kiểm tra trong các phần hành kế toán.
- **Về hạch toán tiền lương công ty:** nhân viên bộ phận chăm sóc khách hàng kế toán hạch toán vào tài khoản 642 quản lý doanh nghiệp không hợp lý

3.2. Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT

Dựa trên những thông tin thu nhập, với những ưu điểm nhược điểm nêu trên, em cũng xin đề xuất những phương pháp để khắc phục mặt hạn chế tồn tại và phát huy những điểm mạnh nhằm làm cho hoạt động công ty nói chung và hệ thống kế toán nói riêng được hoàn thiện, phát triển tốt hơn như sau:

- **Tổ chức bộ máy kế toán:**
 - Công ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT là công ty sản xuất máy bẻ đai thép tự động, việc theo dõi công nợ vô cùng quan trọng, trách khách hàng chiếm dụng vốn và quản lý

hàng hoá nhằm xác định mức dự trữ tối ưu là điều vô cùng quan trọng. Nếu công ty thực hiện tốt các công tác này không những tạo sức mạnh cạnh tranh trên thị trường mà còn thu hút được khách hàng mà còn đem lại nguồn tài chính cho hoạt động công ty.

- Hiện nay bộ máy kế toán của công ty còn đơn giản, số lượng nhân viên kế toán còn thiếu. Nếu tương lai công ty có đủ nguồn tài chính thì nên tuyển thêm nhân viên kế toán để đảm bảo quản lý hiệu quả công tác kế toán hơn.

- **Về công tác thu hồi công nợ**

- Đối với những khách hàng gần đến hạn thanh toán nhằm hối thúc khách hàng thanh toán đúng hạn. Định kỳ, kế toán phải gửi thông báo tiền nợ của khách hàng để nhắc nhở khách hàng đến hạn thanh toán tiền theo thoả thuận đã đưa ra. Trường hợp những khách hàng dầy dụa khó đòi thì công ty đưa ra những biện pháp cứng rắn hơn và không cung cấp hàng cho họ.

- Để đảm bảo tốt công nợ của khách hàng đối chiếu công nợ của khách hàng và công ty thì cuối năm kế toán phải lập biên bản đối chiếu công nợ gửi đến cho khách hàng.

- **Về hạch toán tiền lương:**

- Kế toán phải chia ra bộ phận chăm sóc khách hàng riêng và bộ phận kế toán riêng và đưa tiền lương của bộ phận chăm sóc khách hàng vào tài khoản 641 chi phí bán hàng.

- Cách hạch toán lương nhân viên chăm sóc khách hàng

Nợ TK 6411 chi phí nhân viên

Có TK 334 phải trả người lao động

- **Chi phí giá vốn:**

- Nếu giảm được chi phí giá vốn sẽ giúp tăng lợi nhuận đáng kể cho công ty. Để làm được điều này thì công ty cần thiết tìm nhà cung cấp giá cả hợp lý và đơn vị vận chuyển có những hợp đồng giao dịch với mức giá ưu đãi nhất.

- Công ty nên sử dụng tài khoản cấp 2 để dễ theo dõi giá vốn bán ra từng mặt hàng. Giúp nắm bắt được giá vốn doanh thu thuần của từng mặt hàng bán ra, để triển khai phát triển các mặt hàng bán chạy hay không bán chạy để hạn chế các sản phẩm tồn kho lâu dài.

- **Một số giải pháp khác:**

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm: điều này đặc biệt quan trọng để đảm bảo khách hàng hài lòng và duy trì mối quan hệ với họ.

- Chọn những người có kỹ năng giao tiếp tốt, kiến thức về sản phẩm/dịch vụ, và lòng nhiệt huyết với việc phục vụ khách hàng. Đào tạo họ về quy trình làm việc, chính sách công ty, và cách giải quyết các vấn đề phát sinh.
- Bộ phận kế toán thường xuyên họp và trao đổi công việc với nhau, phổ biến kiến thức chuyên môn để có sự phối hợp ăn ý giữa các nhân viên kế toán với nhau, nhằm nâng cao hiệu quả lao động và tăng cường các hoạt động kinh doanh.
- Tăng cường kiểm soát nội bộ để phát hiện sai sót trong hạch toán còn kịp thời sửa chữa.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu kịp thời, đầy đủ kết quả cuối cùng của doanh nghiệp, phục vụ cho quản lý hoạt động kinh doanh của công ty. Để có chỗ đứng trên thị trường hiện nay thì đòi hỏi bộ máy quản lý phải có đủ kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế để đưa ra những chiếc lược kinh doanh để mang lại lợi nhuận tốt nhất cho công ty.

Trên đây là cơ sở lý luận chung và cũng như thực trạng kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT, thông qua việc tìm hiểu thực tế công tác kế toán và kết hợp với kiến thức đã học ở trường em đã đưa ra những ưu điểm trong công tác kế toán của công ty mặt khác vẫn còn hạn chế thì em đã góp ý kiến để hoàn thiện hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do thời gian thực tập có hạn và kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi được thiếu sót, rất mong được sự chỉ bảo và góp ý tận tình của giáo viên cùng như anh chị phòng kế toán của công ty để em có thể hoàn thiện bài khóa luận tốt hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn đến cô Lâm Xuân Đào là người trực tiếp hướng dẫn nhiệt tình và em cũng xin chân thành cảm ơn đến ban Giám Đốc công ty cũng như mấy chị phòng kế toán tại Công Ty Cổ Phần Chế Tạo Máy TMT đã tạo điều kiện và giúp đỡ em trong suốt quá trình thực tập và hoàn thiện khóa luận nay.

Em xin chân thành cảm ơn!